

RECUEIL DES ACTES

ÉMANANT

de l'Autorité française et intéressant les Annamites

DE LA VILLE DE HANOI



NGHỊ-ĐỊNH VỀ VIỆC VỆ-SINH

và

LỆ TUẦN-THÀNH, THÀNH-PHỐ HÀ-NỘI

par

NGUYỄN-HÒA-CÁT

*Ouvrage honoré d'une souscription de la Municipalité
de Hanoi*



HANOI

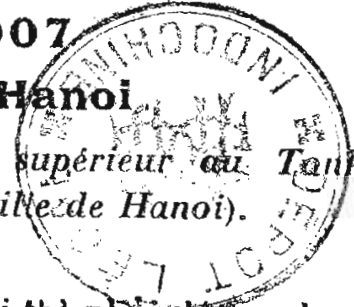
IMPRIMERIE TONKINOISE

1919

Nghị-định của quan Thống-sứ Bắc-kỳ

Ngày 22 tháng một năm 1907
về việc Vệ-sinh thành-phố Hanoi

(Arrêté du 22 Novembre 1907 de M le Résident supérieur au Tonkin sur la protection de la Santé publique de la ville de Hanoi).



Khoản 1. — Ngoại những các cách về vệ sinh mà đã kê ra ở trong nghị-định ngày 19 tháng 9 năm 1905, thì dân Thành phố Hanoi lại phải theo những cách vệ sinh này nữa :

ĐIỀU THỨ NHẤT

Thường lệ về nhà cửa ở phải sạch sẽ thế nào

Khoản 2. — Nhà ở thì phải cho thông khí, với lại cho có ánh sáng chiếu vào, những đồ ở trong nhà thì phải giữ cho thật sạch sẽ, nhà cửa mỗi năm quét với một lần.

Khoản 3 — Sân thì phải lát đá ở mặt, ma mặt sân thì phải xây làm thế nào cho nước mưa và nước rửa dễ tiêu thoát đi.

Phố nào mà chưa có cống thì các chủ phải liệu cách mà làm cho nước tiêu thoát đi.

Khoản 4 — Những các rãnh ở mái gianh, thì phải làm cho rộng, để cho nước giọt gianh rõ xuống có đường chảy ra các cửa cống cho nhanh chứ không thì nước nó tụ lại ở như hè.

Khoản 5 — Nước đã rửa, thì cấm không được đổ vào ở cống ở mái gianh.

Nói về chuồng ngựa, ván ván

Khoản 6 — Chuồng ngựa hay là chuồng trâu, bò, thì phải cho thông khí, và cho có ánh sáng chiếu vào,

chỗ súc vật đái thì phải lát gạch, và phải xây một cái rãnh dọc, để nước dễ chảy đi, những cái miệng cống ấy, thì ngày nào cũng phải quét rửa luôn luôn, cho thật sạch sẽ, cả chuồng trâu bò cũng thế.

Khoản 7. — Chỗ nào cũng vậy, không nên để tụ phân giơ lại mà độc, ngày nào cũng phải lấy đi, quét rửa cho sạch sẽ.

Khoản 8 — Các súc vật, để đem đi bán, mà không nhốt vào lồng cho sạch sẽ, thì không được để ở trong thành phố.

Nhà ở

Khoản 9. — Nhà ở, hay là buồng ngủ thì phải rộng 30 thước cubes mà phải làm các cửa cho thông khí, và cho sáng ở ngoài đường hay là ở ngoài sân chiếu vào, một cái buồng rộng 30 thước cubes thì phải 3 thước vuông cửa sổ (cộng cả các cửa) thêm ra một cái buồng nữa thì chỉ phải thêm một thước vuông cửa sổ nữa mà thôi, ở trên những tầng gác cao thì cứ mỗi một cái buồng rộng 20 thước cubes thì phải 1 thước 3 tấc cửa sổ.

Khoản 10. — Những ngày rạo đau yếu, thì đừng để cho gió lọt vào cửa.

Khoản 11 — Ở trong nhà, mỗi một người phải có một chỗ nằm riêng rộng độ 18 thước cubes.

Khoản 12 — Nhà người ta ở, bất cứ nhà gì, phải làm cao như những thước tắc định ở sau này: đào hầm ở dưới mặt đất thì phải sâu 2 thước 6 nhà ở trên mặt đất lên cho đến trần phải cao 3 thước, nhà gác cũng phải cao 3 thước.

Nhà ở mà hai bên cạnh không trở được cửa sổ, thì không được làm sâu lắm, giả dụ như vừa tầng dưới vừa tầng gác cao cả thấy 6 thước, thì nhà làm sâu độ trong 12 thước giờ lại, chớ không được quá.

Khoản 13. — Nhà làm mà không có hầm thì phải đổ nền cho cao hơn thêm ngoài đường 3 tấc tây, nếu mà làm cao theo bằng thêm ở ngoài đường thì phải đổ cát vào rồi lát gạch, hay là lát ván lên.

Khoản 14. — Nhà ở mà lát gạch, hay là lát ván, thì cũng phải giữ cho thật sạch sẽ, mái nhà thì phải giữ cho khỏi dột.

Khoản 15. — Ở trong nhà ở, thì cấm không được để chứa xương da, rác rưởi hay là đồ gì hay xông hơi độc lên.

Khoản 16. — Nhà nào hay là đất không ở chỗ nào, mà ở bên vệ đường đi, hay là ở đâu mặc lòng, mà bầu thiu để lây độc cho cả người ở nhà ấy, và lây cả cho những người ở gần đấy thì luận-kiểm hay là người nào cũng được trình với quan Đốc-ly để ngài tư với tiểu Hội đồng vệ sinh, để tìm cách trừ đi cho khỏi hại lây đến người khác.

Móng tường và hầm nhà

Khoản 17. — Làm nhà ở, thì từ chân móng tường lên cho đến khỏi

mặt đất phải xây bằng gạch với đất cả, mà cao 30 phân tây.

Sân

Khoản 18 — Cái sân để cho sáng và thông khí vào trong nhà ở, thì phải để rộng ít là 30 thước vuông

Khoản 19. — Sân nở mà để cho thông khí và sáng vào những lớp nhà mà không phải là nhà ở thì phải làm rộng 15 thước vuông

Khoản 20. — Cái gian mình ở, ở trên gác thì làm để lấy ánh sáng ở ngoài sân nhỏ vào cũng được.

Hàng cơm, nhà cho thợ ở trọ

Khoản 21. — Những chủ cho thợ trọ phải quét dọn buồng chứa trọ cho thật sạch sẽ, các nhà trọ phải trình với Tiểu-hội đồng vệ sinh rằng nhà mình chứa được đến bao nhiêu người là cùng.

Môn bài phát cho các nhà trọ, thì phải có đề cái số người trọ vào đấy, vậy không được chứa quá cái số ấy, nếu mà nhà trọ nào không theo luật thì phạt mà không được phép chứa trọ nữa.

Nững chuồng tiêu phải cho nhiều, đề cho đủ dùng.

Hồ, ao

Khoản 22. — Cấm không được đào hồ, ao ở trong thành phố.

Những hồ ao và những vũng nước tụ lại thì phải lấp đi, không thì độc.

Cấm không được lấy bùn ở những hồ, ao đem đổ vào gần nhà ở.

Khoản 23. — Người chủ những các chỗ đất thấp, hay là những ao cạn thì phải trông nom cho người khác khỏi đổ rác rưởi vào đấy, phải rào kín lại.

Nước ăn

Khoản 24. — Những thùng gánh nước cũng là đồ dùng để lấy nước, thì phải làm cho cẩn thận, để nước khỏi lênh láng ra ngoài thì sinh ra âm nhấm.

Khoản 25 — Thùng chứa nước ăn thì phải làm cho cái thành nó cho khỏi nước chảy ra, mà không được làm thùng chứa nước bằng chi bao giờ cũng phải đập kín cho khỏi bụi, nước, sâu bọ hay là các thứ khác bay vào

Không được để thùng chứa nước ăn gần cống nước hay là gần rác, mà bao giờ cũng phải cọ rửa cho sạch luôn.

Khoản 26 — Giếng tư hay là công mặc lòng mà ở gần chuồng phân, hố phân hay là bãi tha-ma, không được lấy nước mà ăn.

Làm giếng thì phải xin phép để quan thầy thuốc lên thăm.

Khoản 27. — Thành giếng thì phải xây cao miệng giếng thì phải xây thót lại, miệng giếng phải đổ một lượt đá cuội vôi vôi rộng độ 2 thước tây mà làm hơi chênh chênh từ giữa miệng giếng ra ngoài, như thế thì nước ở trên không chảy xuống giếng được.

Khoản 28 — Giếng phải giữ cho sạch sẽ luôn, quan Đốc-ly và Tiểu-bội đồng vệ sinh mà có truyền phải cọ và tẩy uế giếng nào thì chủ giếng phải vâng lệnh.

Khoản 29 — Lấy nước ăn thì phải lấy bằng máy bơm.

Khoản 30. — Những giếng nào không dụng nữa hay là đã truyền cấm không được lấy nước giếng ấy nữa thì phải lấp hẳn đi, những giếng ấy thì

hạn cho trong một năm thì phải lấp, kể từ ngày phải theo nghị-định này.

Khoản 31 — Hoặc khi dùng bể xây để chứa nước ăn, thì trong lòng cái bể ấy và trong lòng cái máng nước chảy vào bể, phải giữ cho sạch sẽ, làm một cách thế nào, để cho nước nó khỏi thấm vào đáy được

Bể thì phải làm cho kín, chỉ để hở chỗ miệng máy truyền vào bể và chỗ vòi để lấy nước mà thôi.

Khi giờ mới mưa xuống thì đừng có cho nước chảy ngay vào bể vôi, quay miệng máy cho nước chảy ra ngoài một lát đã, rồi sau hãy hứng vào bể.

Khoản 32. — Nhà nước đặt một hội đồng riêng chỉ chuyên về việc kiểm soát nước ăn ở các nhà hàng cơm, hàng rượu, hàng nước vãn vãn.

Nước ăn ở các hàng ấy phải lọc hay làm thế nào cho thật trong sạch. Những đồ dùng để chứa nước, cũng là các máy lọc đều phải giữ cho sạch sẽ.

Khoản 33 — Ai mà mắc phải bệnh truyền nhiễm như là các bệnh đã kê ra ở như nời dụ ngày mồng 7 tháng giêng năm 1902, thì phải đem đi ở một nơi khác cho biệt tịch, còn nhà cửa thì phải tẩy uế ngay. Trừ ra những người đau bệnh lý hay là trẻ con sai thì không phải đem đi nơi khác.

Khoản 34. — Ai mà phải bệnh truyền nhiễm như là các bệnh đã nói ở khoản trên này thì phải đem đi ngay riêng ra một nơi để mà chữa thì các bệnh ấy nó khỏi tăng thêm lên và để cho khỏi lây sang các người khác, người đi lại trông nom chữa chạy cho mình.

Hoặc là đem vào nhà thương ở Bạch-mai hoặc đem vào nhà thương ở Trảng-thi hoặc đem ở riêng một nhà.

Nếu đem ở riêng ra một nhà thì phải có quan thầy thuốc đưng chữa cho mình có cho phép thì mới được. Quan thầy thuốc chuyên về các bệnh truyền nhiễm cũng phải đến tận cái nhà ấy mà xem để cho biết rằng cái việc cho ở riêng ra một nhà mà chữa thì có cần như thế hay không

Khoản 35. — Đưng cái lúc đau thì không cho ai tới gần đấy, chỉ cho những người trông nom thuốc men thì mới được tới gần mà thôi. — Những người trông nom thuốc men phải dự bị cho rất cẩn thận để cho khỏi lây.

Khoản 36. — Nếu mà cho phép ở riêng ra một nhà mà chữa, nhưng mà không theo những cách người ta dặn bảo để mà dự bị thì quan thầy thuốc chuyên về các bệnh truyền nhiễm có phép lại bắt vào nhà thương Bạch mai, hay là nhà thương Trảng thi.

Cách đem những người đau đi

Khoản 37. — Những người phải bệnh truyền nhiễm mà đem đi nhà thương thì phải để vào xe hay là võng, chỉ dùng riêng về việc ấy mà thôi. Những xe hay là võng ấy đi về thì phải tẩy uế ngay lập tức, lần nào cũng vậy.

Ngộ khi không có xe riêng, phải dùng đến xe thuê hay là xe nhà, nhưng mà đi về thì nên tẩy uế ngay lập tức, xong rồi thì người chủ có cái xe ấy hay là người kéo cái xe đó phải xin một cái giấy làm chứng rằng cái xe ấy đã tẩy uế rồi.

Khoản 38. — Người nào mà mắc phải bệnh truyền nhiễm như là các bệnh đã kể ra ở mấy khoản nói ở trên này, thì cấm không được đi xe, đi tàu hỏa, đi xe hỏa lẫn với các khách bộ hành khác.

Người mới ốm khỏi

Khoản 39. — Người ốm mới khỏi, thì phải có quan thầy thuốc chữa cho mình hay là quan thầy thuốc chuyên về các bệnh thời khí có cho phép ra thì mới được ra.

Cho phép ra thì phải có giấy đề ở trong cái giấy phép ấy rằng cái người đã khỏi, và đã tẩy uế sạch sẽ rồi.

Khoản 40. — Những trẻ đi học mà bị đau, đến khi khỏi lại vào học, thì phải có giấy phép nói ở khoản trên này thì mới được, trường công trường tư gì cũng vậy, với lại phải có nhời của quan thầy thuốc coi việc các trường học lại cho vào học nữa.

Tẩy uế

Khoản 41. — Cấm không được đồ những phân do, đờm dãi của người ốm bệnh dịch tễ như các bệnh truyền nhiễm đã kể ra ở mấy khoản ở trên này, ra ngoài đường đi, sân, vườn, ao, rãnh, vùn vùn.

Phải để riêng những chậu hay là ống nhỏ cho người ốm ấy dùng, rồi thì đem đổ vào chuồng tiêu, nhưng cũng phải tẩy uế cho khỏi xông độc lên.

Khoản 42. — Bao nhiêu những đồ ăn thức đưng của người ốm ấy dùng hay là của những người đưng nuôi nấng thuốc men dùng cho người ốm ấy đều phải tẩy uế cho sạch sẽ.

Khoản 43. Những quần áo chăn màn của người ốm dùng hay là của

các nhà có cái người ốm ấy mà chưa tẩy uế thì cấm không được phơi được dù hay là vất ra ở ngoài cửa. Cả những bàn ghế ở như cái nhà có người ốm ấy mà chưa tẩy uế, cũng cấm không cho chuyên vác đi chỗ khác.

Khoản 44. — Ở nhà mà đương khi có người ốm thì phải rửa nhà, rửa những đồ vật cho sạch sẽ luôn, mà rửa hay là lau chùi, thì lấy rẻ lau ngâm vào thuốc trừ dã, rồi sẽ làm.

Khoản 45. — Những đồ đưa cho thợ giặt, thì cũng phải tẩy uế dã, rồi sẽ đưa giặt sau.

Hoặc khi nhà thợ giặt nào mà giặt phải những của người ốm mà chưa tẩy uế, thì quan coi về việc vệ sinh, bắt cái nhà thợ giặt ấy phải tẩy uế ngay lập tức.

Khoản 46. — Nhà nào có người ốm, khi đem người ốm đi nhà thương rồi, hay là chữa ở nhà, nhưng mà khỏi rồi hay là chết rồi, thì lập tức phải tẩy uế nhà ngay cho sạch sẽ.

Người chủ nhà ấy xin cái giấy làm chứng là nhà đã tẩy uế rồi, quan cho không, không lấy tiền.

Khoản 47. — Phần việc coi việc vệ sinh ở tòa Đốc-ly chuyên biện việc tẩy uế, phải làm như những thế nào, thì đã có quan thầy thuốc coi các bệnh thời-khí chỉ bảo cho tẩy uế xong rồi, thì lại có tòa coi việc vệ sinh xét lại. Những đồ đem đốt thì phải có nhờ quan thầy thuốc y thì mới được đốt, theo như các điều lệ đã nói ở trong nghị định ngày 19 tháng 9 tây năm 1905.

Những các tòa các sở nào mà có các thứ máy cũng có thể tẩy uế các nhà cửa, người đau của mình được

thì làm lấy, nhưng mà có trở ngại ra điều gì, thì cứ chuyên trách ở như người chủ nhà, với lại tẩy uế thế nào thì phải trình với quan chánh thầy thuốc ở Bắc kỳ biết.

Khoản 48. — Những các máy tẩy uế dùng ở các nhà thương, chứ không phải dùng ở thành phố, thì đã có cái tiêu hội đồng chuyên về việc vệ sinh trông nom, là cái tiêu hội đồng này có phép sai tòa coi việc vệ sinh đi khám những các cá máy ấy bay dở ra thế nào.

Cái máy nào về sau xét ra không được y như cách thức đã định ở trong cái tờ làm chứng, cho khi mới bắt đầu đem cái máy ấy ra dùng nữa, hay là hỏng không chạy được như thường nữa, thì bắt hãy đình tạm lại, để chữa dã bay là bắt đình hẳn lại, không cho dùng đến cái máy ấy nữa.

Khoản 49. — Cứ theo khoản thứ 7, nghị định ngày 19 tháng 9 tây năm 1905, mỗi tuần lễ lại giồng đậu một lần mà cho không, không lấy tiền: Những ngày nào giồng ở đâu, thì quan Đốc-ly định rồi sẽ nói cho dân sự biết.

Khoản 50. — Những người chết về bệnh truyền-nhiễm, thì phải để riêng ngay ra một nơi.

Người nào chết, quan thầy thuốc xét xong rồi, nghị định thế nào, thì quan Đốc-ly bắt nhà hiếu-chủ phải tuân theo thế, thứ nhất là bắt nhập quan ngay, cho phép chôn.

Khoản 51. — Những người An-nam nào chết đem chôn, thì huyệt phải đào sâu hơn 2 thước tây, rộng 80 phân tây. Cái huyệt nọ cách cái huyệt kia hơn 30 phân tây mà mỗi

một cái huyết, chỉ chôn được một người thối.

Khoản 52. — Những người An-nam nào chết, mà không phải là chết về bệnh dịch tễ, muốn để lại ở nhà mấy bữa, thì phải có chữ quan Đốc-ly, quan thầy thuốc cho phép thì mới được

Muốn để lâu ở trong nhà thì trong 24 giờ phải nhập quan ngay, cái áo quan thì phải làm bằng gỗ tốt, ván phải dày 6 phân tây, trong lòng thì lót kẽm dày 2 ly tây. Khi han the cái nắp hòm kẽm và khi đập cái ván thìên lại thì phải làm trước mặt ông Cầm-my-xe, hay là người của ông ấy sai đi chứng kiến.

Khoản 53. — Những nhà phúc-đường để nuôi những người vô gia cư, những người đau ốm, những người tàn tật, những trẻ con vô thừa nhận, vân vân, thì phải giữ gìn cho sạch sẽ luôn luôn. Tiều hội đồng về việc vệ-sinh đứng trông nom xem xét.

Tiều hội-đồng về việc vệ-sinh có phép bắt nhà phúc-đường ấy phải tẩy uế những nhà cửa, đồ dùng, áo quần của những người đau ; khi tẩy uế thì hội đồng ấy đứng xem-xét, hề mà không làm thì trách cứ đến người đứng chủ những nhà phúc-đường ấy.

Khoản 54. — Người nào muốn làm nghề thợ giặt thì phải ra trình trước với tòa Đốc-ly đã và lập nhà giặt ở đâu thì phải khai ra.

Khoản 55. Nhà giặt thì phải giữ cho thật sạch sẽ luôn luôn ; nhà thì phải một năm 2 lần quét vôi.

Những đồ giặt mới lấy về, chưa giặt thì phải để vào một cái hòm có nắp

đậy cho kín, và để lấy thuốc trừ mà tẩy uế cho dễ (cái thùng nấu đồ giặt phải cho to, để hề có nhiều đồ giặt về, thì phải giặt ngay, cho chóng xong, không để lâu mà độc.

Khoản 56. — Cấm hẳn không được lấy nước hồ nhỏ mà giặt

Khoản 57. — Đồ giặt không được phơi xuống đất, phải vắt lên dây mà phơi.

Khoản 58. — Những người thợ giặt không được nhận đồ giặt của những người có bệnh hay lây, những đồ của mấy người đó có lấy thuốc trừ tẩy uế đi rồi, thì mới được nhận về mà giặt.

Khoản 59. — Những người có bệnh hay lây, thì cấm không được làm nghề thợ giặt, cấm cả không cho ở lẫn vào nhà giặt nữa.

Khoản 60. — Ai muốn làm nghề hàng thịt trâu, bò, lợn, hàng giò chả, cháo lòng tiết-canh thì phải đến khai với tòa Đốc-ly trước đã, với lại muốn dọn cửa hàng ở phố nào cũng phải trình nữa đã.

Khoản 61. — Cửa hàng những đồ dùng đều phải giữ cho rất sạch sẽ, cấm không được làm ăn bần thiêu. Tường vách ở trong nhà một năm phải hai lần quét vôi.

Những các phái viên đến khám nhà cửa hàng hóa lúc nào thì phải để cho người ta khám.

Khoản 62. — Thịt ôi thối thì cấm không được đem bán cho người ta.

Khoản 63. Nhà hàng thịt bò, thì phải mở cửa ngang cho tiện thông hơi, các cửa thì làm bằng trắn song

gỗ hay là trần song sắt để cho thoáng khí luôn luôn.

Khoản 64 — Từ đây về sau, ai muốn mở hang thịt bò nào nữa, thì thành phố phải khám xét xem có theo y như mấy khoản kê ở trên đã, rồi mới được phép mở.

Những người chủ hang thịt bò đã có từ trước thì bây giờ phải tuân y như những điều lệ nói ở trong nghị định này, hạn cho hai tháng kể từ ngày đăng báo, đến sau khám mà không được y thức thì phải phạt.

Khoản 65 — Các chợ và trung quanh thì có lính tuần kiểm coi luôn; những các nơi ấy ngay nào cũng phải rửa, phải tẩy uế.

Thấy thịt ối, cá ươn, hoa quả rau cỏ thối thì bắt vứt đi, những người bán các thứ hàng ấy không được đòi tiền đền.

Khoản 66 — Ai muốn bán sữa bò thì phải xin phép quan Đốc lý, để ngài xét xem rằng có tuân y như các điều lệ đã nói ở khoản thứ nhất, nghị định thành phố ngày 11 tháng 9 tây năm 1903 thì mới cho phép.

Khoản 67 — Phấn giội, rác rưởi, rơm rạ, trấu, lá cây chưa một chỗ để xông độc lây đến người ta thì cấm.

Lại cấm không được đổ đồ rơ bẩn vào các dòng nước, các cống, vùn vùn.

Khoản 68. — Nhà nào cũng phải có chuồng tiêu, làm bằng gỗ hay là xây, và phải để cho sang, cửa thông hơi thẳng lên quã g không; phải rửa ráy cho thật sạch sẽ, dưới đất thì phải trị xi-măng hay là lát gạch.

Khoản 69. — Những thùng thì phải

tẩy nế luôn, hoặc lấy lửa mà hơ, hoặc bỏ thuốc trừ vào.

Khoản 70 — Mang những đồ ó uế đi ngoài đường để nó xông cái độc lên, thì cấm đã định giờ nào cho đem đi thì mới được nhưng mà cũng phải để vào xe bò đẩy kín lại, theo như kiểu xe thanh-phố bắt người lãnh trưng việc ấy phải làm.

Khoản 71. — Cấm không cho chứa những đồ ó uế vào thùng hay là vào dành mà mang đi qua đường.

Khoản 72. — Những cái đồ chứa những đồ ó uế thì phải làm bằng sắt tây cho nó dễ rửa dễ tẩy uế, mà phải có nắp đậy cho thật kín. Những đồ chứa cũng phải rửa phải tẩy uế luôn như là các thùng vậy.

Khoản 73 — Cấm không được vứt những súc vật chết xuống sông, hồ, ao, cấm cả không được đem chôn gần chỗ người ta ở, gần giếng, gần chỗ người ta lấy nước ăn.

Khoản 74. — Ai trái không tuân những điều lệ ở trong nghị định này thì lệ định phạt giam từ 1 ngày cho đến 5 ngày, và phạt tiền từ 1 quan cho đến 15 quan, có khi chỉ phạt giam hay là chỉ phạt tiền mà thôi, có khi phạt cả hai.

Khoản 75. — Những điều lệ về việc tuần phòng trong thành phố, khoản nào mà không trái nghĩa với nghĩa trong nghị định này, thì cứ để yên như cũ.

Khoản 76. — Quan Chánh y viện ở Bắc kỳ, và quan Đốc lý Hanoi chiếu nghị định tại hành.

HÀ-THÀNH TUẦN CẢNH ĐIỀU LỆ

(Règlement de Police de la Ville de Hanoi)

Lò giết súc vật

Khoản 1 — Cấm không được giết những súc vật ăn thịt ở nhà tư, phải giết tại lò thành-phố.

Nhưng mà về việc tế lễ thì để thành phố xét cho phép làm thịt ở nhà tư. Có hai điều này thì mới được phép làm ở nhà tư: một là chỗ mổ cho kín và cách đường cái, hai là tiền lệ phải nộp trước vào kho thành-phố.

Khoản 2. — Cấm hẳn không được mổ bò cái, bê cái hay là trâu cái, trừ những con bị thương hay là già không dùng được, xét ra không thể sinh đẻ được nữa.

Khoản 3 Con vật nào định để đem xuống lò, mà nhớ ra què gầy xương, sai khớp, thì lấy xe đỡ mà chở xuống lò.

Khoản 4. — Thịt nào mà thầy thuốc chưa khám và chưa đóng dấu phép thì không được bày ra bán.

Khoản 5. — Những thịt bán rồi hay là để bán mà lậu thuế phải tịch ký; xét miếng nào lành sẽ phát cho sờ làm phúc những miếng khác thì chôn ngay lập tức. Thế nào cũng làm tờ bầm phạt những người bán ở cửa hàng hay bán rong.

Khoản 6 — Phép chở thịt tươi ở trong thành-phố đã có nghị định quan Thống sứ ngày 28 tháng 4 tây năm 1915.

Khoản 7. — Thuế làm thịt thu ở trong các lò thành phố Hà-nội, đã

định tại nghị định quan Toàn quyền ngày mồng 2 tháng 2 tây năm 1904 và 18 tháng 9 tây năm 1906.

Nghị định thành phố ngày 21 tháng 6 tây, năm 1910, có nói cả những điều lệ ở lò làm thịt súc vật.

Loài vật

Khoản 8 — Thường ở trong thành phố cấm không được nuôi và chứa súc vật ở chỗ nào mà hơi phân và hơi chuồng ngựa xông ra mà không hại đến sự vệ-sinh chung, thì mới cho phép.

Khoản 9. — Người nào muốn làm chuồng bò ở Hà-nội phải xin phép trước ở tòa Đốc-ly, được phép rồi mới được làm.

Khoản 10 — Mỗi con súc vật phải có một chỗ ít nữa là 2 thước tây bề dài và một thước hai tây bề rộng, không kể chỗ để máng cỏ hay là máng lợn.

Đàng sau mỗi một hàng súc vật, phải để một lối đi rộng một thước tây.

Bốn con nhỏ ở vào một chỗ con nhón.

Khoản 11. — Mái chuồng bò phải cao ít là 5 thước tây, từ đất lên đến nóc và làm quá ra ngoài biên mỗi mặt là 50 phân tây. Bất sẽ lát gạch hay là lát xi-măng làm cho dốc để nước, phân chảy.

Máng cỏ phải đặt cao hơn mặt đất chuồng ít nữa là 30 phân tây.

Những phên, vách, tường để chắn phải chừa thấp hơn mái 60 phân tây, để cho thông hơi. Những rãnh trát xi-măng để dẫn nước phân vào một cái hố xa cách chuồng ít là 6 thước tây. Cái hố ấy phải sâu 70 phân tây và cứ linh ra bốn con súc vật như là một thước tí. h (cube) Phải trát xi măng và giữ cho khỏi gỉ ngấm.

Khoản 12 — Những đồ để buộc phải có đủ, để những súc vật khỏi sờ ra.

Khoản 13. — Những đồ gì dùng để vắt sữa là chỗ sữa và các thứ lấy sữa mà làm ra thì phải giữ cho rõ sạch sẽ.

Rửa những đồ ấy chỉ được dùng nước sôi mà thôi, những chậu bằng đồng hay là bằng chì, thì cấm không được dùng.

Khoản 14. — Chuồng và xung quanh chuồng ngày nào cũng phải rửa cho rõ kĩ. Những rơm dãi để súc vật nằm phải thay luôn cho khỏi thối, khi nào những quan viên làm việc vệ-sinh xét nên tẩy độc và quét vôi thì sẽ bảo làm, tiền phí-tồn nhà chủ phải chịu.

Khoản 15. — Ở trong thành phố Hà nội, nếu mà quan Đốc-ly không có cho phép riêng, thì không ai được làm chuồng lợn chứa súc vật để bán.

Khoản 16. — Những đơn xin làm chuồng lợn phải kêu với quan Đốc-ly, có kèm một cái địa đồ vẽ rõ những chỗ phải làm chuồng lợn.

Khoản 17. — Ở trong thành phố cấm không được nuôi lợn.

Khoản 18. — Những người có chuồng lợn phải tuân theo những

thê lệ nghị-định quan Thống-sứ ngày 22 tháng 11 tây năm 1907 (nhất là những điều trong khoản thứ sáu và thứ bảy cái nghị định ấy).

Khoản 19 — Cái chuồng lợn nào liệu chừng nguy hiểm đến sự mạnh khỏe chung thì có thể phải đóng cửa, còn súc vật thì bỏ vào nhà chứa đồ vô chủ, đến khi nào sửa sang chuồng xong, còn người có chuồng có thể phải phạt nữa chưa kể đến.

Khoản 20. — Phạm trái những điều ở khoản thứ 15, 16, 17, 18 và 19 thì sẽ phải phạt từ 1 quan đến 10 quan tiền tây. Nếu mà đáng phạt những điều kể ở khoản 27, 28 và 30 luật ngày 15 tháng hai tây năm 1902, thì còn phải phạt nữa không chừa.

Khoản 21. — Cấm không được thả rông ra ngoài đường những con súc vật nào hại đến sự vệ-sinh và sự sạch sẽ, như là lợn, bò, trâu, ngựa, dê, cừu, gà, vịt, ván ván, không được chắn súc vật buộc cọc cũng thế ở đường cái hay là ở đất của thành-phố, không được buộc vào cây giồng ở mép phố và đường rộng, vào hàng rào sắt những sở công, ván ván.

Khoản 22. — Sáng từ 7 đến 11 giờ, chiều từ 5 đến 8 giờ, cấm không cho súc vật đi trong thành phố.

Khoản 23. — Phạm trái khoản 21 và 22 thì súc vật phải bỏ vào nhà chứa đồ vô chủ, đợi chủ có xin và nộp tiền chứa thì mới giải lại. Nếu mà có hư hại đến cửa nhà đồ đạc của nhà nước thì còn phải đền tiền dẫu khác

Khoản 24. — Cứ như thê lệ nghị-định quan Toàn-quyền ngày 27 tháng

2 tây năm 1908 và ngày 11 tháng 7 tây năm 1914, thì chó phải đeo một cái vòng cổ có một thẻ bằng loại kim, khắc tên và chỗ ở người chủ, hoặc là một cái dây thép quấn cổ có một cái tiể bằng kẽm hay là bằng loại kim trắng như bạc mà nhẹ khắc số dây quấn cổ và thẻ thì tòa Đốc lý sẽ phát cho không. Tòa Đốc lý sẽ mở một quyển sổ để biên tên người chủ và số vào sổ con chó.

Chó phải dắt hay là ràng mõm thì mới được đi ra ngoài đường.

Khoản 25. — Những chó thấy ở ngoài đường mà không có vòng cổ hay là dây quấn cổ và những chó chạy rông dù có vòng cổ hay là dây quấn cổ thì cũng phải bắt bỏ vào nhà chứa.

Con nào không có vòng cổ hay là dây quấn cổ và không biết ai là chủ, sẽ giữ ở nhà chứa trong 24 giờ. con nào đeo vòng cổ hay là dây quấn cổ nói ở khoản 24 hay là biết chủ, sẽ giữ ở nhà chứa lâu lắm là ba ngày. quá những hạn ấy, sẽ giết chết hay là phát cho những sở công hay là sở coi việc xét nghiệm học thuật.

Khoản 26 — Người chủ nào đòi chó ở nhà chứa thì phải trả tiền tắm, tiền giữ và tiền cơm, chiếu theo giá đã định. Nếu con nào phải bệnh truyền nhiễm thì giết ngay.

Con chó nào đã cắn người ta thì hãy đề quan Thầy-thuốc thú y xét, tiền phí tổn người chủ phải chịu.

Khoản 27. — Những người nào đánh đập súc vật tệ quá, sẽ phải phạt theo như nghị-định quan Toàn quyền ngày 29 tháng 4 tây năm 1908.

Cây cối

Khoản 28. — Cắm không được mố

vào những cây giồng ở dọc đường dài, đường rộng và phố; không được treo lên không được hái quả; cấm cả mố vào những cái cọc đỡ những cây ấy.

Người nao mà xét ra đã chặt, nhổ, hay là làm chết những cây ấy, sẽ phải phạt và phải đền sự thiệt hại đã làm ra. Con làm trái phép, bố mẹ phải chịu.

Những người có cây cối giồng ở mép đường phải xén cho thẳng, theo mực đường.

Một năm phải xén ít là 2 lần, tháng tư và tháng tám tây, nhưng cây cối mọc chóng, nhất là những cây giồng ở dọc đường truyền điện, nếu mà có cần thì lại càng nặng phải xén.

Nhà giặt quần áo

Khoản 29 — Người nao muốn làm nghề thợ giặt, phải khai trước ở tòa Đốc-ly và phải chỉ chỗ mà mình muốn dọn ở.

Những người thợ giặt phải tuân theo điều khoản thứ 55, 56, 57, 58 và 59 ở nghị định quan Thống sứ ngày 22 tháng 11 tây năm 1907

Hàng thịt, hàng giò, hàng lòng

Khoản 30 — Người nào muốn làm nghề bán thịt, bán giò, bán lòng, phải khai trước ở tòa Đốc lý và phải chỉ cái chỗ mà mình muốn dọn ở.

Những người bán thịt, bán giò, bán lòng, phải tuân theo khoản thứ 61, 62 63 và 64 ở nghị định quan Thống-sứ ngày 22 tháng 11 tây năm 1907.

Rác

Khoản 31. — Những người ở thành phố sáng nào cũng phải quét phố, và ngõ ở đang trước nhà mình, quét cả sân, lối đi, vườn và các chỗ khác, đến cả cái rãnh.

Những người chủ nhà hay là những người ở thuê phải rửa cống quăng ở đằng trước nhà mình, còn rác thì phải để vào thùng đóng bần thiu cho kịp để xe rác đem đi.

Khoản 32. — Những cái bần thiu, rác, đồ cặn, đồ thừa ở trong nhà, đồ mục nát ở trong vườn cấm không được đổ ra ngoài đường, và xung quanh đường hay là vứt xuống chỗ nước hồ hay là ao ở trong thành phố.

Khoản 33. — Những rác phải đựng vào một cái sọt hay là thùng để mang mà người nhà phải đem từ nhà ra xe rác, hay là để ở mép hè trước sáu giờ sáng.

Khắp các phố trong thành phố, rác dọn từ 6 giờ đến 10 giờ sáng.

Khoản 34. — Cấm không được vứt gì ra đường; không được đổ ở ngoài đường m. n. chai hay là m. n. sành, hoặc những đồ gì có thể độc hơi độc hay là có mùi tanh hôi.

Chai vỡ, mảnh kính, mảnh gốm, mảnh sành, hay là đồ gì cùng loại ấy mà có thể sinh tai hại được thì dọn xe rác đi qua trong những giờ đã định mà đem thẳng ra xe ấy và đưa cho phu coi nh. ng xe ấy. Lúc xe đi qua thì có chuông bao.

Khoản 35. — Trừ nước cống và nước nhà bếp, thì cấm không được vứt gì xuống cống; các hồ ao trong thành phố thì cấm không được giặt quần áo hay là tắm và chỉ được câu cá bằng cần câu, chứ không được đánh cá cách nào khác.

Cấm không được làm hay là đổ bần thiu, không được vất xác loài vật ra ngoài đường, ở bờ sông, các

ao hồ, các nơi đất không, vùn vùn, không được tắm rửa ở vệ đường có mái trông ra đường; không được đổ nước rửa ráy hay là nước gì khác ra ngoài vệ đường, ra ngoài phố, ở gốc cây, qua cửa sổ nhà gác, hay là vào mặt ngoài tường, nhà; không được đổ những cái bần thiu hay là phân gia ra ngoài đường hay là chỗ đất không.

Những xác loài vật phải chôn ở chỗ chôn loài vật. Việc chôn ấy, những người hàng phố có thể nói với những sở giám-thành sai người chôn, nhưng phải trước tên thuê phu.

Khoản 36. — Khi nào sức đến sửa sang nhà xí, cống rãnh trong nhà mình vùn vùn, thì những người chủ nhà phải tuân làm ngay.

Gác sân phải có ống máng để nước ở đấy khỏi chảy xói vào tường.

Khoản 37. — Cấm không được lấy rác ma lấp ao hay là đổ vào chỗ đất thấp, không được chừa rác ở trong nhà, phải chở đến chỗ đổ rác bừa.

Khoản 38. — Không có phép quan Đốc-ly cho thì cấm không được đào ao hay là vũng nước ở trong thành-phố.

Khoản 39. — Cấm không được đốt cỏ hay là những thứ gì mục nát ở trong thành-phố.

Nghĩa địa

Chôn, bốc và chở những hài cốt

Khoản 40. — Có ai chết thì độ trong 24 giờ phải khai với quan viên giữ việc sinh tử giá thú.

Khoản 41. — Không có phép quan Đốc-ly hay là quan Đại lý cho thì không được chôn hay là chở xác đi.

Quan thầy thuốc giữ việc sinh tử đã khám chết thật và ít nữa là 24 giờ sau lúc chết rồi thì mới cho phép chôn hay là chôn xác đi, không kể những sự đã nói ở trong điều lệ (khoản 50 nghị định quan Thống sứ ngày 22 tháng 11 tây năm 1907) khoản 18 nghị định ngày 14 tháng 4 tây năm 1914 của quan Toàn quyền.

Khoản 42. — Có phép riêng thì không kể, không thì phải chôn ở nghĩa-địa công mà tòa Đốc-ly đã định.

Khoản 43. — Không được giồng rau gì ở trong những nghĩa địa ấy.

Khoản 44. — Những sự mai táng sẽ tuân theo thể thức đã nói ở khoản 51 trong nghị định quan Thống sứ ngày 22 tháng 11 tây năm 1907.

Khoản 45. — Đào huyệt để chôn thêm xác, phải có tòa vệ sinh thành phố Hà-nội thuận thì mới được.

Khoản 46. — Ở các nghĩa-địa nào cũng đề riêng một chỗ để chôn những người chết về bệnh truyền-nhiễm, phòng khi có bốc mả và chôn xác cho tiện

Khoản 47. — Những sự bốc mả và chôn xác, sẽ tuân theo thể thức đã nói ở nghị định quan Thượng-thư thuộc-địa ngày 15 tháng 11 tây năm 1910, nghị định quan Thống sứ ngày 20 tháng 3 tây năm 1913 và lệnh quan Toàn-quyền ngày 13 tháng 6 tây năm 1913.

Khoản 48. — Người Annam có thể được phép để xác người chết ở nhà mình mấy hôm, nhưng phải tuân theo điều khoản 52 ở nghị định ngày 22 tháng 11 tây năm 1907.

Khoản 49. — Ai thấy xác người thì phải lập tức trình quan viên giữ việc sinh tử giá-thủ, quan viên ấy sẽ bảo ông giám-thành sở tại, rồi phải đến tận nơi mà xét hỏi căn cước người chết, và ghi vào sổ chết; ông thầy thuốc coi việc sinh tử khám xong rồi, quan Đốc-ly mới cho phép chôn. Nhưng mà nếu có dấu vết tỏ ra sự chế dử tợn, thì có phép quan Biện-ly đã, rồi mới được phép chôn.

Làm nhà cửa

Khoản 50. — Nếu không có phép nhà-nước cho thì ở trong thành phố Hà nội ai cũng không được làm nhà, hay là sửa chữa to tát cùng là đặt cổng tháo ra cổng nhà-nước.

Khoản 51. — Ai muốn làm nhà, thì trước khi khởi công, phải xin cắm mốc và đánh thẳng bằng phố ở trước miếng đất của mình rồi phải theo thế mà làm.

Lại phải đệ lên tòa một bức kiêu mẫu, và những bức vẽ bề dọc những lớp nhà định làm. Những bức ấy phải vẽ làm hai bản. Kề mẫu ấy cũng phải vẽ cả khu đất với những nhà đã có sẵn trên khu đất ấy. Nếu mà sửa chữa to tát thì bức kiêu mẫu cũng phải vẽ những nhà đã có sẵn rồi vẽ làm hai bản một bản sẽ lưu lại để vào lý lịch vệ-sinh cái nhà đất ấy.

Nếu đặt cổng tháo ra cổng nhà-nước, thì phải khai rõ định để tháo những chất gì ra, và nếu phải xây cổng tháo chuồng xí thì phải vẽ kiêu mẫu cái cổng ấy cho kỹ mà vẽ làm hai bản

Nộp những kiêu mẫu ấy ở tòa Lục-lộ được hai mươi hôm rồi, mà không thấy tòa truyền bảo gì thì người làm

nhà cứ theo kiểu mình mà khởi công.

Những kiểu nào không ưng thì trả lại nhà chủ bắt phải theo như thể lệ đương thi hành; người xin làm nhà cửa phải theo phép ấy, kiểu mẫu bảo choa thể nào thì phải vẽ lại như thể mà đề nộp. Khi nào kiểu mẫu rõ thật duyệt y rồi, mới được khởi công.

Khoản 52 — Làm các sở công cũng phải tuân theo những thể lệ nói ở trên này.

Khoản 53. — Phép cho chỉ được một năm thôi, quá hạn ấy, nếu mà không làm, thì phải xin phép lại.

Khoản 54 — Nếu có truền bảo gì về sự vững chãi chung và sự sạch sẽ, thì những người làm nhà-cửa phải tuân theo.

Khoản 55. — Bề cao đằng trước nhà ở các phố mai chia ra ngoài, nóc nhà mai hiên, lan can hay la vòm che cửa, gờ, vâu vâu, sẽ có nghị-định riêng, và những viên ở tòa Đốc lý bảo cách thực thể nào thì chủ nhà phải tuân theo như thế.

Khoản 56. — Nhà mới làm ở trong phố đã có cống nhà nước rồi thì phải làm thế nào để cho nước mưa và nước rửa chảy vào cống ấy.

Nhà cũ mà chửa lại to tát thì cũng phải làm như thế, và lâu lắm là 2 năm sau khi làm cống nhà nước, thể nào cũ g ph i liệu để nước mưa và nước rửa chảy vào cống ấy.

Khoản 57. — Trái phạm điều lệ khoản 50 51 52 53 54 55, và 56 sẽ phải phạt tiền như đã kê ở trong nghị-định ngày 14 tháng tư tây năm 1914.

Rạp hát và hàng quán

Nhà hát hàng cà phê, người chửa nhà trọ, người chủ quán cơm

Khoản 58 — Không có phép tòa Đốc lý cho trước, thì nhà hát nào cũng không được mở, có cho phép cũng phải xét trước xem mở nhà hát ấy có điều gì bất tiện về sự tinh mịch và sự yên ổn chung không.

Khoản 59 — Ban ngày từ 8 giờ sáng đến 11 giờ tối, giờ nào cũng hát được.

Khoản 60 — Trừ nhà hát của thành phố còn những nhà hát khác đội xếp được vào luôn, và có quyền giữ gìn thể nào cho nghiêm và cho khỏi xảy ra những sự bất kỳ.

Khoản 61. — Ở trong nhà hát của thành phố sẽ có đội-xếp coi sóc cho nghiêm chỉnh.

Quan chánh giám-thành, quan giám-thành và đội xếp coi riêng những ống thụt chửa cháy, vào đâu cũng được, khắp cả trong nhà hát và những cửa, bảo mở thì phải mở ngay.

Khoản 62. — Các bà đội mũ không được vào ngồi ghế bành ở lan can và ghế bành ở gần phương bát âm.

Khoản 63. — Cấm hẳn không được hút thuốc ở trong nhà hát, trừ ra ở gác sân và lan can thì được.

Khoản 64. — Người ngoài không phải là người làm việc voi bợn con hát thì cấm không được vào buồng trò, trừ cho những người nào có việc gọi vào mà có tên biên vào cái giấy riêng dán ở cửa.

Khoản 65 — Người nào say rượu hay là ăn mặc không chỉnh tề, thì không cho vào nhà bát.

Khoản 66 — Những tiếng om sòm và những cách chế bai rầm rĩ và bất cần việc gì hình hài ra mà có thể làm cho nhốn nhạo trò hát và người xem, thì cấm hẳn.

Khoản 67. — Người nào không tuân theo các viên có quyền chức đã bảo mà trái với những phép tắc nói ở trên này, thì sẽ đuổi ra ngoài nhà hát, lại còn có thể phạt đàng khác nữa nhưng chưa nói đến.

Khoản 68 — Những xe ngựa và xe hơi bốn bánh phải đi dọc theo phía bắc nhà hát; những xe tay phải đi dọc theo phía nam, ở chỗ đội xếp sẽ chỉ bảo.

Khoản 69 — Hàng cà-phê hay là hàng rượu trè nào mà chủ không khai ở tòa Đốc lý thì không được mở.

Khoản 70 — Những hàng đã kê ở trên này đến một giờ sáng, phải đóng cửa.

Nhân có nhẽ gì riêng và người chủ có xin thì cũng có thể cho phép chậm đóng cửa được

Khoản 71. Những hàng cà-phê, nhà trọ, hàng cơm và các hàng quán nào mà không theo luật ngày 16 tháng 3 tây năm 1915 cấm trở, bán buôn và bán lẻ rượu *áp sen* và những rượu giống như rượu ấy, sẽ phải phạt theo luật

Khoản 72. — Những người chứa trọ phải chịu thuế môn bài, muốn lĩnh môn bài, thì phải xin phép mở hiệu.

Phép ấy thì quan Đốc lý cho, những nhà chứa được nhiều nhất là bao nhiêu người sẽ biên ở trong phép ấy. Số người ấy không được quá. Nếu trái phép thì chủ phải phạt, tiếm phải đóng cửa

Nhà có thể chứa được bao nhiêu khách trọ thì phải liệu làm chuồng xí cho đủ (nghị định quan Tổng-sứ ngày 22 tháng 11 tây năm 1907).

Khoản 73. — Những người chứa trọ bán cơm rượu, là người Âu-châu hay là người kẻ như người Âu châu, và người Á châu và chung cả những người cho thuê nhà, từng khu nhà, hay là buồng có giường ghế sẵn, cho những người khách bộ hành, thì phải xin phép quan Đốc-ly

Khoản 74 — Người nào ngủ hay là ở một đêm ở nhà trọ thì những người chứa trọ bán cơm rượu, chủ quán hay là người cho thuê nhà sẵn cả đồ đạc, phải biên ngay tên nghề nghiệp, thường ở đâu, người nước nào ngày vào và ngày ra, vào một quyển sổ làm cho phải phép, không được để trống chỗ nào.

Khoản 75 — Những lý lịch ấy sao vào mảnh giấy rồi trong 24 giờ phải trình quan chánh giám-thành.

Khoản 76 — Những người thuê hay là khách bộ hành đi, thì phải trình trong hạn ấy. Mỗi ngày, người đội-xếp coi việc ấy sẽ đến các nhà trọ để thu các tờ biên những khách bộ hành. Chủ nhà trọ phải đưa sổ cho đội-xếp ấy xem. Sổ ấy, mỗi tháng một lần, phải giao tận tay người đội-xếp coi việc ấy để đem xuống sở chánh giám-thành cho chữ.

Các nhà xưởng phương hại vệ sinh

Khoản 77. — Nhà xưởng nào làm nghề nghiệp có tiếng độc và phương hại đến sự vệ-sinh hay là bất tiện, nếu mà quan coi việc ấy đã xét xem có tiện hay là không tiện theo như thể lệ nghị định quan Thống sứ ngày 21 tháng 10 tây năm 1912 thì hành ở trong thành phố, mà không cho phép riêng thì không được làm.

Trẻ con bỏ không ai nhận

Khoản 78 — Người nào thấy trẻ con mới đẻ bỏ không ai nhận, phải đưa cho quan viên giữ việc sinh tử đưa cả quần áo đồ đạc thấy ở trong mình đứa trẻ ấy, thấy nó bao giờ và ở đâu cũng phải khai tất cả Những điều ấy phải chừa vào sổ sinh, ước chừng đứa trẻ ấy mấy tuổi, gái hay là gái. Ngay lúc bấy giờ đặt tên cho nó là gì, cũng phải chừa vào.

Thuốc nổ

Khoản 79. — Chở các thuốc nổ trong địa phận thành phố Hà nội, phải tuân theo phép đặt ở nghị-định thành phố ngày mồng 3 tháng 11 tây năm 1911 y như sau này :

Người nào có thuốc nổ, người nào mua thuốc nổ, mà muốn chở ở trong thành phố, hoặc ở các tỉnh, thì phải có đơn xin phép quan Đốc lý Trong đơn phải khai là thứ gì, đem đi đâu và chở bao nhiêu.

Khoản 80. — Các thứ thuốc nổ chở ở trong thành phố chỉ đi được những giờ đã kê ở tờ g giấy cho phép. Đi những đường nào cũng phải theo cho đúng trong giấy phép.

Khoản 81. — Chở thì phải một người đội xếp ấy đi kèm đến hết địa phận thành phố.

Khoản 82 — Mỗi xe chở các thứ thuốc nổ phải cắm ở đằng trước một lá cờ đỏ cho rõ ràng.

Khoản 83 — Các thứ thuốc nổ ở ngoài chợ vào hay là chở qua Hà nội, nếu do đường sông chở đến thì phải trình sở giám thành ở ngoài bến. Bảo đồ ở đâu thì phải đồ ở đấy.

Các thứ thuốc nổ do đường sông chở đến, phải đồ những chỗ này :

1 Do mạn ngược chở đến, phải đồ ở rìa bãi cát cách ít nữa là 500 thước tây phía trên cầu Doumer ;

2 Do mặt Hai phòng chở lại, phải đồ ở rìa bãi cát cách ít nữa là 300 thước tây phía dưới tòa Lục lộ.

Khoản 84 — Thuyền bè nào có thuốc nổ, phải kéo một lá cờ đỏ, Ban đêm đến chỗ đồ, phải thắp một ngọn đèn có kính đỏ.

Khoản 85 — Các thứ thuốc nổ do đường xe hỏa chở về Hanoi để chở đi chỗ khác, thì trước khi gửi đi chỗ khác sở xe hỏa bảo đồ ở đâu thì phải đồ ở đấy.

Máy nước

Khoản 86 — Cấm hẳn không được đồ xe, không được cho ngựa đứng, không được để thùng, chậu hay là đồ đạc gì ở gần vòi nước và máy nước

Khoản 87. — Cấm hẳn không được lấy nước ở máy nước bằng thùng nhôm hay là chậu nhỏ khác đựng được hơn hai mươi chai lít; dùng chậu đựng kém hai mươi lít hay là những vòi ống, để mà đồ đầy thùng

nhón hay là chậu nhón khác cũng cấm.

Khoản 88 — Cấm không được tắm, rửa ráy giặt đĩa gì ở máy nước, nhất là giặt chếu quần áo rửa rau, rửa chân, rửa xe cho loại vật uống nước, và tắm chải loại vật, nơi tất một tiếng là không được làm gì cho chát ối vào máy nước; máy nước chỉ để cho những người lấy nước ăn dùng theo như thể cách chỉ ở kho n trên nay.

Khoản 89 — Cấm không được dán giấy yết thị vào máy nước và máy phun nước.

Khoản 90 — Người nào làm hư máy phun nước và máy nước hay là chêm cái núm ấn phun nước, hoặc chặn bằng cái gì nặng, hoặc lấy que nhét vào cửa máy hay là chêm cách thể nào khác sẽ phạt theo luật.

Khoản 91 — Người nào dùng chia khóa hay là đồ gì để làm chuyển động những cái khoa vòi máy nước chung, hay là để mở cửa cạnh máy nước và làm cho chuyển động những cái khoa trong cũng sẽ phải phạt.

Khoản 92 — Ở những chỗ xa máy nước và ống chuyên, tòa Đốc lý có thẻ ngoại lệ, cho phép những người ở đấy lấy nước bằng thùng nhón hay là đồ chứa khác để lên xe kéo đưng được hai trăm rưỡi chai (lit) giờ xuống.

Khoản 93 — Mỗi ngày hai lần cứ giờ đã định, buổi sáng và buổi chiều, ở những chỗ lấy nước đã định để phát.

Khoản 94 — Thùng phải biên số, người kéo phải có giấy phép phòng khi người làm việc Lục lộ hay là đội-xếp có hỏi thì trình.

Nhà chứa

Khoản 95 — Có hai nhẽ bỏ vào nhà chứa được; một là bởi việc hình án tra xét hai là bởi việc tuân phòng cai trị

Khoản 96 — Những loài vật, xe và đồ đạc khác bị bắt hay là bỏ ở ngoài đường, sẽ bỏ vào nhà chứa.

Khoản 97 — Nhà để chứa và thẻ lệ nhà chứa đã có nghị định quan Đốc lý ngày 11 tháng 5 tây năm 1913.

Cháy

Khoản 98 — Ngoài những phép tắc đã đặt ra ở nghị định quan Tổng-thống ngày 10 tháng 8 tây năm 1886 và những thẻ lệ ở trong nghị định quan Toàn-quyền ngày 12 tháng 4 tây năm 1891 về việc giữ cho khỏi nhón nhạo lúc cháy trong thành phố Hanoi sức cho người ở phố diện phải ra cho quan sai khiến để dùng đưng chuyên nước và cứu giúp, cho mượn thang thùng gầu và búa; nơi tóm một tiếng là để cứu giúp hết sức mình.

Khoản 99 — Những người láng dềng nhà cháy, động sức phải mở cửa nhà mình và ra cho quan sai khiến.

Khoản 100 — Cháy ở đâu thì bộ trưởng phố trưởng phố ấy và những phố gần đấy, phải trình ngay quan giám thành, rồi đến chỗ cháy để các quan có truyền gì thì bảo dân Annam tuân làm.

Những vi-phạm riêng ở trong thành-phố Hanoi

Khoản 101 — Những người Annam không phải là dân tây và những

người Á châu mà tỉ như những người ấy, vì phạm những tội lỗi riêng kể sau này, sẽ đem ra tòa án Thượng nghị xử.

Khoản 102. — Nhất là — Nói xấu nhà-nước Lãng-sa hay là nhà-nước Annam và hư truyền đồn đãi làm cho nhộn nhạo sự yên lặng chung mọi người.

Nhị là. — Khi nào quan Đốc-ly đã sức mà không chịu theo hộ trưởng và phó trưởng đi canh đêm và tuần đêm để giữ cho yên.

Ba là. — Khi quan Tây hay là quan Annam thay mặt nhà-nước đòi đến mình mà không chịu đến.

Đốn là. — Không đeo giấy thuế thân năm mới hoặc là giấy nói ở nghị-định ngày 2 tháng 6 tây năm 1897 cấp cho người Annam ở các tỉnh đi lại ở Hanoi, hay là giấy tùy thân nói ở nghị-định ngày 2 tháng 2 tây năm 1904 cũng thế.

Năm là. — Làm om sòm, gương xấu, cãi nhau và những việc nhộn nhạo khác ở trong bộ, ngoài những việc đã kể ở khoản 479 số thứ 8 luật hình

Sáu là. — Khi quan cai trị hay là quan tòa-án sức làm công việc gì, hay là giúp đỡ việc gì mà không chịu làm, ngoài những việc đã kể riêng ở khoản thứ 475 số 12 luật hình.

Bảy là. — Ban đêm không có cờ gì đáng mà vào nhà người Pháp, người Tây hay là người tỉ như hạng với người Tây.

Tám là. — Không có việc gì thật cần kíp mà kêu la hay là đánh trống nhộn lên.

Khoản 103. — Trái phạm điều lệ khoản 101 và 102 sẽ phải phạt từ một quan tiền tây đến mười lăm quan và phạt ở tù từ một ngày đến năm, hay là hai thứ ấy phạt một thứ thôi, theo nghị-định quan Toàn-quyền ngày 28 tháng 8 tây năm 1905.

Hễ trái phạm thì thế nào cũng phải phạt ở tù.

Dẫu thế nào những người có lỗi mà không có giấy tùy thân năm mới, đã nói ở điều thứ tư, khoản thứ 10, để chứng tỏ căn cước thì sẽ phải giải đến quan tòa xử việc ấy, rồi sau tòa án phạt thế nào mặc, dù quan cai trị cũng có thể bắt giải những người có lỗi ấy về làng quán chúng nó, mà tiền phí tổn giải đi, làng chúng nó phải chịu.

Khoản 104. — Những tiếng to, tiếng còi hay là tiếng kêu sự quần tụ đêm và chung cả những việc gì có thể làm cho nhộn nhạo, làm cho người ta không được nghỉ ngơi hay là làm náo sự lặng lẽ chung đều cấm cả.

Những sự quần tụ om sòm ở ngoài đường, bất cứ nhẽ gì, đều cấm cả.

Khoản 105. — Cấm không được làm lò rèn, đặt cối xay, hay là cối đá ở ngoài đường hay là ở rìa đường, bờ củi, xẻ gỗ, giọt sắt hay là các loài kim khác cũng thế.

Khoản 106. — Những nghề om sòm cấm từ 10 giờ tối đến 5 giờ sáng không được làm.

Vườn — Vườn hoa

Khoản 107. — Vườn hoa Bách-thứ mở ra để chung cả mọi người đến chơi, nhưng phải theo thế lệ sau này :

Những đường xe đi được, rộng ít là 6 thước thì mới cho phép các thứ xe đi mà xe không được để không có người trông và không được đi mau quá.

Xe với lại phu chở hàng hay là đồ đạc không phải đồ của cho vườn hoa thì cấm không được đi qua.

Khoản 108. — Chung cả mọi người được tự do đi vào những đường có đồ đá, trừ ra những cái đường mà quan chánh xét nên cấm thì đã có rào chắn hay là biển đề cho biết.

Khoản 109. — Cấm đi lên bờ đường hay là bãi cỏ, trừ ra những chỗ có đề ghế, bãi cỏ ở giữa quãng đường đi đến chuồng cạp và cái lạch thì đề riêng cho trẻ-con, nếu có xảy ra việc gì hay làm hư hại cây cối thì bố mẹ phải chịu.

Khoản 110. — Vào những chỗ rắc hạt cây, ương cây, ủ cây, trồng cây, vườn rau quả và cả các nhà, thì cho những người có phép quan chánh hay là có một người Tây đi đưa, hay là một người hầu quan chánh cất đi đưa, thì mới được vào.

Khoản 111. — Cấm chọc ghẹo những loài vật, nhảy qua rào, ném đá vào chuồng hay là chọc gậy hay là đồ gì khác mà có thể làm hư chuồng hay là làm cho loài vật bị đau tích.

Khoản 112. — Cấm bẻ cây, không ai cho phép thì không được hái hoa quả.

Khoản 113. — Cấm hẳn xe hơi và xe máy không được vào vườn hoa.

Khoản 114. — Ngày thứ năm và ngày chủ nhật, lúc linh đương thời kèn, ở vườn hoa tượng Paul Bert, thì

cấm đi xe tay bay là xe ngựa ở hai con đường ngang hai bên, trừ ra những người đi chơi đến những nhà có cửa trông ra những con đường ấy, thì phải đi bước một cho khỏi sinh sự tai họa.

Khoản 115. — Cấm đi lên cỏ ở bãi cỏ, vườn và vườn hoa của thành-phố, vân vân, cấm mò vào hoa và cây cối, cấm lấy nước hồ Hoàn-kiểm ngoại trừ những đường đã làm đề xuống lấy nước.

Trò chơi — Thả diều

Khoản 116. — Các thứ trò chơi cấm hết không được bày ở ngoài đường. Cấm thả diều ở trong thành-phố.

Sữa

Khoản 117. — Người nào bán sữa tươi phải khai ở tòa Đốc-ly, phải có một cái sanh bằng đất hay là bằng gang đề riêng một nơi, bắc lên trên cái lò đề đun nước sôi mà rửa chai hay là các đồ dùng để bán sữa.

Khoản 118. — Sữa giao cho người tư phải dùng bằng chai hay là lọ thủy tinh trong, dùng chì, có tên người chủ niêm lại.

Khoản 119. — Những sữa đem đưa đi, hay là để trữ ở nhà người bán sữa, sẽ lấy một ít để xét nghiệm.

Khoản 120. — Người nào cũng có thể xin xét thứ sữa đã bán rồi để cho biết thế nào, mà phải trình quan giám thành.

Công thợ

Đầy tớ — Làm thợ

(Xem khoản người gánh thuê)

Khoản 121. — Người Bắc-ky nào hay là người Á châu tí như người

Bắc-kỳ, không vào dân Pháp, mà đã nhón, giai hay là gái, làm đầy tớ hay làm thợ cho người Tây hay là người tử như Tây, theo như nhờ hay là giấy tình nguyện thì phải lấy sổ biên tên theo như thể lệ nghị-định quan Toàn-quyền ngày 26 tháng 8 tây năm 1899.

Khoản 122. — Sổ đầy tớ lấy lân thì nhất phải trình giấy thuế thành phố, giấy thuế sưu hay là giấy thuế thân, nếu người xin là khách.

Chợ

Người bán hàng rong và bán ở ngoài đường.

Khoản 123. — Chợ mở cửa từ 5 giờ sáng, đến 5 giờ chiều thì đóng.

Khoản 124. — Đồ ăn nào ôi không được bày ra bán, hề xét thấy thì những người làm việc thành phố bắt ngay lấy những đồ xấu hay là ôi ấy rồi đem hủy đi, lại người bán còn có nhẽ phải phạt nữa, chưa kể đến.

Khoản 125 — Nếu không có giấy tòa Đốc-ly cho phép trước, thì không được bán ở ngoài đường.

Khoản 126 — Những giấy cho phép bán ở ngoài đường sẽ hiện rõ từng tên và ngày tháng. Những viên tuần-kiểm chợ sẽ phát những giấy ấy.

Khoản 127. — Những người được phép riêng, bán hàng rong trong thành phố thì không được ngồi bán hàng chuyên một chỗ ở trong phố mà làm cho người ta đi lại vướng víu ngăn trở. Khi nào lính tuần-kiểm hay là các người làm việc khác mà quan thành phố cất trông nom công việc có hỏi đến giấy phép bán hàng, thì phải trình giấy ấy ra.

Khoản 128. — Những người bán hàng ngồi nhất định một chỗ thì phải có phép quan Chánh Đốc-ly cho mới được và ít ra cũng phải nộp thuế làm ngay một lúc hay là muốn nộp cả một tháng một lúc cũng được. Quan thu thuế thành phố sẽ phát cho một cái giấy căn cước người bán hàng, chỗ dọn hàng gì, hạn giấy phép là bao lâu và số tiền thuế đã thu.

Những tiền ấy quan thu thuế thành phố ngày nào cũng nộp vào khoản thuế chợ. Thuế ấy thu ở tòa Đốc-ly.

Khoản 129. — Những người hàng rong bán thức gì cũng vậy, bắt đầu từ 10 giờ tối giờ đi không được mang hàng đi bán nữa. Đi trong phố cấm không được rao.

Những người bán hàng ngồi nhất định một chỗ thì bắt đầu từ 10 giờ tối phải dọn hàng đi và chỗ ngồi phải giữ cho rất sạch sẽ. Cấm không được đun nấu gì ở trong những chỗ bán hàng dọn nhất định một chỗ.

Khoản 130. — Những đồ hàng mang ra bán ở thành phố thì cấm không ai được ra đòn lấy và hãm lại hay là mua.

Cấm những người buôn hàng không được ra đường đón những người bán hàng và mua lúa, đỗ, vãn vãn... trước khi người ta mang đến cho.

Khoản 131. — Ai không có giấy phép đi rong ngoài đường thì cấm không được mang hàng đi bán trong thành phố.

Khoản 132. — Người nào ngồi bán hàng trong chợ, hay là bán hàng trong phố thì hề lính tuần-kiểm và những người quan sai có hỏi đến vé hay là

giấy phép chứng quả (cảng mịch nộp thuế chỗ ngồi rồi, thì phải trình ra.

Khoản 133 — Người bán hàng nào bắt được ngồi chợ hay là bán hàng trong phố mà không có giấy phép được bán hàng của mình thì sẽ phải phạt gấp năm tiền thuế chỗ ngồi.

Ăn xin, quyền-giáo

Khoản 134. — Cấm không được ăn xin ở trong địa phận thành phố Hanoi.

Khoản 135. — Người nào bắt được ăn-xin trong thành phố Hanoi mà xét ra khỏe mạnh và có chứng-cớ đích xác là ăn xin, thì sẽ giao tòa-án xử. Nếu có tật mà quan Chánh Đốc lý có truyền đem vào nhà chữa ốm thì đem vào đấy.

Khoản 136. — Những người nào bắt được quyền-giáo ở ngoài đường thì sẽ giao cho quan giám thành và đem ra tòa án xử, tùy đáng cho là đi lừa người, hoặc cho đi ăn-xin thì cho.

Khoản 137. — Những kẻ ăn-xin khỏe mạnh và những đứa dư-côn không phải quán ở Hanoi mà bị tòa kết án theo như khoản 269 và luật hình, thì khi tội mãn hạn rồi sẽ giao về tỉnh quán nó.

Nhà lá

Khoản 138 — Cấm không được làm nhà bằng tre, vách, lá cùng chữa những nhà cửa đã làm bằng tre, vách, lá ở địa phận hàng phố trong hạn giới kể như sau này :

Ở phía bắc và tây bắc, thì giáp địa giới thành phố, kể từ đê sông Nhị-hà cho đến chỗ giáp đường Cát-linh ;

Ở phía tây và tây-nam thì giáp đường Cát-linh, đường Carreau (chỗ

mở thêm) địa giới phía tây khu đất nhà ga, đường quan Annam cho đến chỗ đầu đường 68 ;

Ở phía nam thì giáp đường số 63, đường chạy theo bờ dọc phía tây đường Huế, cách chỗ sau đường ấy 30 thước tây cho đến chỗ giáp đường nghĩa địa ;

Ở phía đông thì giáp đường đê sông Nhị-hà.

Khoản 139. — Những nhà lá và những quán xá gì khác bằng lá đã làm ở thành phố trong giới hạn đã kể ở khoản trên này, đều phải dỡ đi.

Khoản 140. — Những nhà cửa cho phép làm tạm bằng gỗ ở trong giới hạn ấy phải lợp bằng thứ gì không thể cháy mới được.

Khoản 141. — Những lớp nhà làm phụ thêm vào với nhà gạch cũng cấm không được làm bằng lá ở trong giới hạn kể ở trên này. Song le những người thầu khoán làm nhà và những người chủ đất chưa lập, khi công việc đương làm, thì cũng được phép tạm làm những xưởng bằng lá để che những vật liệu, nhưng hễ có lệnh bắt dỡ thì phải dỡ ngay.

Khoản 142. — Trong khoảng đất được phép làm nhà lá thì những nhà ấy phải làm cách xa nhà gạch đê ở hay đê chữa đờ cũng thế.

Dầu hỏa (Dầu mỡ)

Khoản 143. — Những nghị-định quan Toàn-quyền ngày 21 tháng một tây năm 1900, ngày 30 tháng tám tây năm 1906 và ngày 5 tháng chạp tây năm 1902 chính-đốn lại những thể lệ chứa dầu, chuyên vận dầu đi nơi này

nơi khác và bán dầu, nay đều thi hành ở trong địa-phận thành phố Hanoi. vậy thì nghị định thành phố ngày 28 tháng 5 tây năm 1900 định bãi.

Khoản 144. Những người bán lẻ dầu mỡ thì cấm không được chứa trong nhà mình hơn 15 hòm dầu, mỗi hòm là 30 cân.

Những thùng dầu và hòm dầu phải để chỗ có ánh sáng mặt trời và để vào một chỗ nào riêng, xa cách những chỗ để hàng khác.

Người nào bán dầu lẻ cũng phải chứa sẵn cát ở cạnh chỗ để dầu và chứa ở một nơi dễ vào lấy, cứ một phần dầu thì phải hai phần cát, để khi có cháy thì dập tắt đi.

Phu

Khoản 145. — Người nào không có giấy chứng quả rằng mình đã có tên biên trong sổ ở tòa Đốc lý thì không được làm phu hay là chở thuê ở Hanoi.

Khoản 146. — Khi đã biên tên vào sổ rồi, thì phát cho người phu một đồng tiền bằng loại kim có khắc số người phu ấy vào, mà phát không lấy tiền.

Khoản 147. — Khi nào những người nhà nước hay là những người tư gia có hỏi đến, thì những phu ấy hay là người chở đồ thuê phải trình đồng tiền ấy ra.

Khoản 148. — Tòa Đốc lý sẽ làm ra một bản biên công thuê để những phu hay là người chở thuê cứ thế mà tuân theo.

Thanh-lâu

Khoản 149. — Những hàng cà-phê và những hàng bán rượu lẻ của những người đàn-bà gọi là « Valaques » đứng bán, thì những người ấy là người nước nào mặc lòng, cũng phải tuân theo thể lệ sau này, không can thiệp gì đến thể lệ nơi riêng về nghiệp thanh lâu. Thể lệ ấy, khi nào đáng bắt những người chủ, người trông nom hay là con gái ở những hàng cà-phê và hàng bán rượu lẻ ấy phải tuân theo thì cũng bắt tuân hành.

Khoản 150 — Trong mỗi hàng rượu lẻ hay là hàng cà-phê không được hơn ba người, kể cả người chủ lẫn người trông nom, cấm không được lấy thêm người đàn bà nào khác nữa vào giúp việc tiếp khách, đàn bà Tây hay đàn bà Annam cũng không được. Người đàn bà hay là người con gái nào bấy còn ít tuổi thì cấm hẳn không được dùng.

Khoản 151 — Không được cho ai ở trọ trong hàng hay là trong những lớp nhà làm phu, cũng không được cho ở trong nhà tư của mình. Chỉ trừ khi nào được phép cho thuê buồng thì mới được cho người ở thuê, nhưng nếu thế thì những người chủ hàng hay là người trông nom hàng phải theo những thể lệ thì hành về những buồng và những nhà hàng cho thuê.

Khoản 152. — Cấm không được để ra ngoài đường nhà nước hay là ở dưới mái hiên trông ra đường, những bàn ghế gì để bày rượu cho khách uống.

Những cửa và cửa sổ hàng cà-phê và hàng rượu bán lẻ ở ngoài phải có bình phong và màn che, ở ngoài không trông vào trong nhà được.

Khoản 153. — Những người đàn bà chủ hàng cà-phê và chủ thành-lâu cùng các đàn-bà con gái ở những nhà ấy đều cấm không ngồi đứng mãi ở bực cửa ngoài, đi đi lại lại có ý để người đi qua phải nhìn mình hay là ăn mặc nói năng thế nào để ve vãn khéo lòng người ta.

Dù lúc nào cũng không được vin có gì đứng ở cửa sổ mà ra hiệu và làm điệu cách gì để gọi người đi qua cùng quyến rũ người ta vào nhà mình.

Ở trong gian nhà tiếp khách, thì không được ăn mặc lả lơ và không được làm cách điệu gì để đến nỗi những người ở láng giềng hay là người đi qua phải thất trách.

Khoản 154. — Những hàng cà phê và những hàng bán rượu lẻ của những người đàn bà gọi là « Valaques » mở ra thì chỉ được dọn ở trong những phố kể sau này mà thôi:

Một là phố Thuốc bắc ;

Hai là phố hàng Bát cũ ;

Ba là phố hàng Quạt ;

Bốn là phố hàng Bát ;

Năm là phố Phúc-kiến ;

Sáu là phố Hà trung.

Khoản 155. — Đàn bà hay con gái người nước nào cũng vậy, nếu để ai cũng biết mình là người văn giảng hoa, thì cho là dĩ và phải theo những thể lệ nói sau này, cùng những thể lệ sau sẽ đặt ra, để vệ sinh chung cho mọi người.

Khoản 156. — Những dĩ chia ra làm hai hạng :

Hạng nhất là những con gái ở nhà thờ có mẹ giàu cai quản ;

Hạng thứ hai là những con gái ở nhà tư hoặc ở trong một lớp nhà có

đủ giường ghế đồ đạc, hoặc ở trong một lớp nhà thuê có hạn, mà giường ghế đồ đạc là của mình.

Khoản 157. — Một là dĩ thì đưa nào cũng phải lại tòa quan Chánh Giám thành mà xin biên tên mình vào sổ, mà nếu không phải là người phố, thì giấy thông hành hay là giấy phép cho ở tạm trong thành-phố đều phải nộp tại tòa ấy để lưu chiếu.

Khi xin biên tên vào sổ, thì phải khai lên họ tên đệm, tuổi, nơi bố mẹ đẻ ra, chỗ nào là chỗ ở sau cùng, trước làm nghề nghiệp gì và phương kế kiếm ăn, nhân bởi làm sao mà phải đi làm dĩ. Lại phải muốn xin làm dĩ vào hạng nào, hoặc vào ở nhà thờ nào, hoặc ở nhà riêng thì ở vào phố nào, nhà nào, số mấy.

Những nhờ khai ấy sẽ biên vào những tờ giấy căn cước của con dĩ, đưa nào riêng giấy đưa ấy, rồi quan Chánh Giám-thành bỏ giấy ấy vào tập lý lịch của nó.

Khoản 158. — Khi biên tên dĩ vào sổ thì tòa sẽ bảo cho những đưa ấy biết những điều lệ gì là điều lệ chúng nó phải tuân theo. Tòa cũng sẽ giao cho nó một cái thẻ có ảnh, ở trong biên những thể lệ thiết yếu để những dĩ phải cứ thế mà tuân theo, mà biên bằng chữ tây. Quan thầy thuốc khám nghiệm thể nào cũng sẽ biên vào đấy.

Cái thẻ ấy năm nào cũng phải đổi, hề những người nhà nước có hỏi thì phải trình ra.

Khoản 159. — Những dĩ cũng có thể đổi hạng nọ ra hạng kia được, nhưng muốn đổi thì phải khai trình quan Chánh Giám-thành.

Khi dời chỗ ở hay là khi bỏ nhà thờ nọ sang nhà thờ kia, thì nội trong 24 giờ phải khai.

Khoản 160. — Những dĩ nào không tuân theo như khoản 159 đã nói ở trên này mà khai, thì quan Chánh Đốc-ly cứ theo như nhời tư của quan Chánh Giám thành mà bắt biên vào sổ. Những dĩ biên như thế cũng phải theo thể lệ chung.

Khoản 161. — Đứa nào xin xóa tên mình ở sổ dĩ đi thì phải có chứng cứ gì cho quan biết rằng mình có phương kế kiếm ăn hay là có người tử tế có thể nuôi được mình xin cho ra, thì mới được.

Hễ quan Chánh Giám thành tư trình thì quan Chánh Đốc-ly sẽ cho xóa tên.

Khoản 162. — Chưa có quan thầy thuốc khám xét như đã nói ở sau này, thì không con dĩ nào được bỏ thành phố mà đi.

Khoản 163. — Cấm dĩ không được ve vãn hay là đứng đứng lại ở những chỗ mát và đường cái và không được nói năng làm điệu cách gì để khêu lòng người ta.

Khoản 164. — Cấm không được vào hàng cá phé và hàng cơm.

Cấm không được đến làm dĩ ở những nhà trọ, chỉ trừ khi ở ngay trong nhà ấy và có tên biên ở sổ nhà ấy là làm dĩ thì mới được.

Khoản 165. — Những nhà thờ cùng các nhà đã dọn riêng thì bất cứ đêm ngày lúc nào cũng vậy, hễ có người nhà nước đến khám xét thì phải mở cửa cho vào.

Khoản 166. — Dĩ cứ mỗi tuần lễ phải khám hai lần. Quan thầy thuốc coi về việc ấy sẽ khám xét ở trong một cái nhà để riêng về việc ấy.

Song le, những dĩ người Âu muốn xin quan thầy thuốc đến nhà khám riêng cũng được, nhưng phải giả tiền phụ cấp cho quan thầy thuốc thành phố đến nhà khám riêng cho mình.

Khoản 167. — Mỗi lần khám xét thế nào quan thầy thuốc cũng biên vào sổ. Sổ ấy để quan Chánh Giám Thành giữ. Người nào bệnh chứng thế nào, quan thầy thuốc cũng biên vào sổ. Trong 24 giờ, quan Chánh Giám Thành sẽ tư trình quan Chánh Đốc lý một cái danh sách kê những người có bệnh để lấy chữ ký ngài, để cho những người ấy ngay hôm ấy được vào nhà khám bệnh (lục-si) hay là nhà thương. Nhân thế cũng làm một bản biên sổ thứ tự, kê số dĩ đã đến quan thầy thuốc khám xét đứa nào có bệnh, không có bệnh hay là vắng mặt cũng biên rõ.

Những dĩ có bệnh hay vắng mặt đến kỳ sau khám xét ra làm sao, cũng trình quan Chánh Đốc-ly biết như trong hạn đã nói ở trên này.

Khoản 168. — Lần nào khám bệnh cũng biên vào thẻ của dĩ đeo theo như khoản 156 ở nghị-định này.

Khoản 169. — Ngoại trừ các kỳ khám bệnh đúng tuần nhật như đã nói ở trên này, còn mỗi lần thay đổi hạng nọ sang hạng kia, không ở nhà thờ nọ sang nhà kia, dời chỗ ở, xin giấy thông hành hay là ở nhà tù, nhà thương ra, cũng phải quan thầy thuốc khám xét.

Khoản 170. — Khi nào vì nhẽ vệ-sinh chung cho mọi người mà quan Chánh Giám thành tư xin khám riêng thì quan Chánh Đốc-ly ủy quan thầy thuốc thành phố khám riêng.

Khoản 171. — Những dĩ có thể và những dĩ lậu trốn không để quan thầy thuốc khám thì sẽ phải mang xuống nhà khám bệnh của thành phố (Lục-si), mà nếu có bệnh thì phải chữa thuốc như sau này :

Một là : những dĩ người Âu thì chữa ở nhà Lục-si thành phố, ở trong một phòng dọn riêng cho những người ấy.

Hai là : những dĩ người Á thì chữa ở nhà thương Annam của Bảo-hộ hay là ở nhà Lục-si thành phố.

Khoản 172. — Chỗ nào chứa giai gái và dong túng cho giai gái đi lại thì cho là nhà thổ. Không được phép tòa cho thì không được mở nhà thổ. Giấy phép cũng thường khi tòa không cho.

Khoản 173. — Những nhà thổ chỉ được mở ở trong địa phận quan thành-phố định thời.

Khoản 174. — Hễ có giấy chủ nhà thuận xin và giấy của quan chánh Giám-thành tư cho thì quan Chánh Đốc-ly mới cho mở nhà thổ.

Nhà thổ chỉ được mở một cửa đi ra đường mà thôi.

Khoản 175. — Nhà thổ phải chịu thuế môn bài tùy từng hạng đã nói ở nghị-định ngày mồng ba tháng tám tây năm 1912.

Khoản 176. — Chỉ đàn bà mới được chữa thổ thời. Cho nên không người đàn ông nào được ở hẳn trong nhà thổ suốt, chỉ trừ khi có thực lấy người

mẹ dẫu làm vợ thì mới được ở thời, nhưng dẫu có ở cũng cấm hẳn không được dự gì đến việc mẹ dẫu và con gái nhà thổ giao thiệp với mọi người cùng quan nhà-nước.

Khoản 177. — Mẹ dẫu thì ít ra cũng phải 25 tuổi và nếu đã có chồng rồi thì phải trình giấy của chồng cho phép.

Khoản 178. — Nếu vì những dĩ mà xây nên những bọn nhộn ở trong nhà thổ hay ở ngoài cửa nhà thổ, thì mẹ dẫu phải can cứ. Nếu vì người ngoài mà xây nên thì người mẹ dẫu phải trình ngay sở Giám-thành, nhưng nếu có điều gì trái phép tự mình có thể ngăn được mà lại không ngăn thì cũng phải cứ.

Khoản 179. — Cấm nhà thổ không được bán rượu cho những người đến chơi, mà dù cho không, không lấy tiền cũng không được.

Khoản 180. — Cấm những mẹ dẫu không được chứa những con gái chưa đến 16 tuổi và cho ra làm dĩ.

Những đứa con gái nào chưa đến 21 tuổi mà mẹ dẫu xin biên tên nó vào sổ thanh-lâu thì khi xin phải trình một bản khai biên rõ ràng căn cước và quê quán nó.

Khoản 181. — Nếu có con gái đến xin ở thì những mẹ-dẫu phải hỏi xem cho chắc rằng nó thực đã có tên biên ở sổ Giám-thành. Con dĩ nào bỏ nhà thổ đi thì trong 24 giờ đồng hồ, mẹ dẫu phải trình sở Giám thành.

Khoản 182. — Đứa nào phải bệnh phòng độc hay là bệnh truyền nhiễm gì khác thì cấm không được chữa ở trong nhà, dù vin lấy có gì cũng không

được. Nếu có đứa nào phải bệnh như thế thì phải trình ngay ở sở Giám-thành. Mang nó vào nhà thương chữa tốn kém mất bao nhiêu thì mẹ dẫu phải bồi lại nhà-nước thành phố tiền ấy.

Khoản 183 — Những đứa nào muốn ra khỏi nhà thờ, thì cấm những mẹ dẫu không được cưỡng giữ nó lại, khi nó muốn ra, thì phải đi với nó xuống sở Giám-thành.

Khoản 184. — Những hạng chơi chưa đến 18 tuổi thì mẹ dẫu không được cho vào. Chỉ được chứa những con gái có thể, còn những trẻ con và người nào khác nữa đều không được.

Khoản 185. — Những dĩ ở nhà riêng cũng phải theo những thể lệ như những con gái nhà thờ.

Khoản 186. — Đứa nào chưa có tên biên vào sổ là con gái đã chịu thuế mà ai ai cũng biết rõ ràng thường vẫn đi làm dĩ thì sở Giám-thành sẽ bắt và hãy giam tạm, đợi khi nào quan chánh Đốc lý nhận được tờ bản và giấy má về việc xét ấy ra làm sao thì ngài mới sẽ xử đoán.

Hễ quan thầy thuốc xét xong, mà xem nên phải biên tên nó vào sổ con gái có thể thì tòa cứ bắt biên. Nhưng dẫu có biên cũng phải có giấy phép quan chánh Đốc lý viết cho mới được.

Khoản 187. — Đứa đàn bà con gái nào mà quan chánh Giám thành xét quả có phạm vào một khoản hay là mấy khoản kể sau này, là sự đích xác ấy không chối cãi được, thì đều kể là dĩ lậu.

Một là: thường hay đi lại với dĩ thõa ;

Hai là: nhiều người đội sếp đã lắm khi gặp ở trong nhà thờ ;

Ba là: có đơn kiện rằng đứa ấy đã đồ bệnh phòng độc cho người ta mà quan thầy thuốc xét có bệnh thực ;

Bốn là: những đàn bà con gái không ở với chồng mà chẳng có nghề nghiệp gì đích xác để kiếm ăn mà lại thường cho nhiều người vào trong nhà, không thể nói bởi có gì mà cho người ta vào được.

Khoản 188. — Một viên hay là nhiều viên gọi là kiểm soát con gái sẽ cất ra trông nom riêng việc ấy. Những viên ấy thì quan Giám-thành tự xin đặt và ngài cai quản.

Trong khi quan thầy thuốc khám xét những con gái thì viên kiểm soát phải trông nom cho trong ngoài nhà khám bệnh được yên ổn và nghiêm chỉnh.

Cấm hẳn viên ấy không được vào nhà khám bệnh khi quan thầy thuốc đương khám xét con gái, chỉ trừ khi nào quan thầy thuốc có gọi mới được vào.

Khoản 189. — Cấm chủ nhà thờ và những dĩ mở hàng riêng không được cho người ta hút thuốc phiện ở nhà mình.

Khoản 190. — Ai trái phạm những điều lệ nói ở khoản 189 trên này thì tòa sẽ truy phạt từ một quan cho đến mười lăm quan tiền tây và giam tù từ một ngày cho đến năm ngày ; còn thuốc phiện cùng những đồ dùng để hút thuốc phiện sẽ phải tịch ký cả.

Khi nào tòa án kết hẳn thành án rồi, thì quan cai-trị sẽ thu lại môn bài hay là giấy phép đã phát cho chủ nhà thờ.

Chiếu theo nghị-định quan Toàn-quyền ngày 16 tháng chạp tây năm 1907 thì những người đàn bà ngoại quốc làm chủ nhà thổ hay là làm đi dọn hàng riêng mà phạm phạm những khoản trái phép nói ở trên này thì lại còn phải đuổi ra khỏi địa hạt Đông-dương nữa.

Vệ sinh

Khoản 191. — Người buôn bán nào ở Hà-nội muốn cho những người bán đồ thầu để bán đấu giá những đồ ăn hay là đồ uống ấy đến tiêu hội-đồng vệ sinh xét trước đã. Nếu nên ra thì tiêu hội-đồng vệ sinh sẽ phát cho một cái giấy nhận thực rằng những đồ ăn uống ấy dùng được, không hại gì đến sự vệ sinh.

Khoản 192. — Những người bán đồ thầu có thấy cái tờ nhận thực ấy, thì mới được nhận những đồ ăn uống ấy để ở nhà bán đồ. Tờ ấy cho không lấy tiền.

Khoản 193. — Những sự trái phạm các điều lệ nói ở khoản 191 và 192 sẽ do quan Giám-thành hay là ông Đại-biêu ngài ra phụ việc tiêu hội đồng vệ-sinh chiếu như khoản thứ ba ở nghị định quan Toàn-quyền ngày mồng hai tháng 10 năm 1907 mà biên ghi lấy để phạt theo luật ngày mồng một tháng 8 tây năm 1905.

Khoản 194. Những nhà ở cho thật thoáng và rõ sáng sủa. Các thức đồ điếm tương trong nhà phải giữ cho cực sạch sẽ.

Mỗi năm nhà nào cũng phải quét với ít ra cũng là một lần.

Khoản 195. — Những máng không cho nước đổ ra và làm vữa tắc thụt

để hứng nước mưa ở chỗ phần mái thấp, cho nước chảy ngay xuống ống máng, khỏi đọng lại.

Khoản 196. — Nước đã dùng rồi, dù nước gì cũng vậy, không được để vào máng.

Khoản 197. — Những chuồng nuôi lừa ngựa trâu bò, vãn vãn, phải cho sáng sủa và thoáng. Quãng nào để những súc vật ấy đái thì dưới nền phải xây lát thế nào cho nước đái khỏi thấm xuống được. Nước đái phải chảy xuống một cái rãnh thoát thoải dốc cho đủ thoát nước.

Những cống thì một ngày phải rửa nhiều lần và những chuồng lừa ngựa phải giữ cho thực sạch sẽ.

Khoản 198. — Chỗ nào chứa phân lừa ngựa trâu bò mà hại đến sự vệ-sinh thì ngày nào cũng phải dọn đi.

Khoản 199. — Ở trong thành phố cấm không được nuôi súc vật, gà vịt vãn vãn, để mang bán. Chỉ trừ khi có chỗ xây kín, rào kín chung quanh và chỗ riêng để nuôi thì mới được.

Khoản 200. — Trong những lớp nhà ở, cấm không được để những đồng xương, thịt, giẻ, rác rưởi, đồ đạc, hay là những thức gì có thể xông hơi độc ra được.

Khoản 201. — Khi nào sở Giám-thành hay là người tư gia có trình rằng cái nhà hay là đất nào hoặc liền với đường cái hay không liền với đường cái, là một cái nhà hay cái đất làm hại đến sự vệ-sinh, những người ở nhà đất ấy cùng những người láng giềng, thì quan chánh Đốc lý sẽ ủy tâu hội-đồng vệ-sinh xét và trình ngài biết ý hội-đồng muốn bắt những

nhà đất ấy phải như thế nào để giữ sức khỏe cho mọi người.

Khoản 202. — Cấm không được đào hồ ao ở trong thành phố.

Nếu những hồ ao và những hồ nào có nước tù hãm mà làm hại đến sự vệ-sinh chung thì phải lấp đi hay là cho dầu tây vào.

Cấm không được giải gần nhà ở những bùn lầy ở những hồ ao ấy.

Khoản 203. — Còn như những hồ ao và những đất thấp, thì những chủ hồ hay chủ đất ấy phải trông nom không được cho ai ném rác rưởi gì vào đấy và phải rào lại.

Khoản 204. — Những đồ gì hoặc máy móc gì dùng để lấy nước, thì phải giữ thế nào cho nó khỏi làm ẩm ướt nhà ra.

Khoản 205. — Những đồ dùng nước uống, thì trong lòng phải làm bằng thứ gì để nước không thể làm hư hỏng được, không được làm bằng chì.

Những đồ đựng nước ấy, ở trên phải đậy thật kín, để bụi bặm, nước nổi sâu bọ hay là các thứ gì khác ở ngoài không thể rơi rớt vào được.

P. ái làm xa những cống tháo nước rửa ráy trong nhà và những thứ gì đã dùng bẩn.

Lúc nào cũng phải giữ cho rõ sạch sẽ.

Khoản 206. — Giếng làm không đủ xa cách những nhà xí, những ổ người ta đi đại tiện, những chỗ để phân bón, hay là chỗ để rác rưởi cùng những nghĩa địa, thì không được dùng nước giếng ấy để ăn uống, dù dùng chung, dùng riêng cũng không được.

Bao giờ cũng phải xin phép nhà nước đã mới được; có khi bắt phải lấy nước giếng lên để xét thử xem có những chất gì và có trùng không.

Khoản 207. — Trong ngoài lòng giếng phải làm thế nào cho nước khỏi thấm vào được; ở trên miệng phải đậy kín và phải xây một cái sân giếng bằng tam hợp rộng độ hai thước tây, liền hẳn vào lòng giếng, và hơi hơi dốc từ giữa ra đến gờ ngoài để giữ cho nước ngoài khỏi rỉ vào được.

Khoản 208. — Những giếng phải giữ cho sạch sẽ luôn luôn, lại khi nào quan chánh Đốc lý đã hợp ý với phòng vệ-sinh rồi mà ngài truyền bắt rửa hay là tẩy uế thì phải tuân theo như thế.

Khoản 209. — Lấy nước ăn thì dùng ống thụt.

Khoản 210. — Những giếng nào không dùng được nữa thì phải đậy lại và những giếng nào cấm hẳn không cho dùng nữa thì phải lấp cho bằng mặt đất.

Khoản 211. — Những đồ gì đựng nước mãi mãi và có thể thành ra một chỗ để bọ gậy sinh sản thì dù đồ đựng ấy làm bằng gì và to bé thế nào cũng cấm, không được để trong nhà, trong sân và trong vườn.

Khoản 212. — Khi nào dùng nước bể để ăn, thì lòng bể và những ống lấy nước vào bể phải làm thế nào cho nước không thấm vào mới được.

Miệng bể phải đậy kín và lấy nước thì tất phải dùng một cái ống thụt hay là một cái vôi, khi nên dùng thứ nào thì dùng.

Phải giữ gìn để khi mới mưa thì nước mưa đừng chảy ngay xuống bề.

Khoản 213. — Sẽ bắt người trông nom nước uống ở những cửa hàng mở cho mọi người đến ăn uống như là hàng cà phê, hàng cơm hay là hàng bán rượu lẻ.

Trong những hàng ấy thì nước để cho người ta ăn uống phải lọc và nhất là dùng cách trừ vi-trùng hay là phương pháp gì khác xưa nay vẫn biết là hiệu nghiệm để làm cho nước được trong và uống lạnh thì hơn. Những cái lọc nước phải giữ cho sạch sẽ luôn luôn, mà lúc nào cũng lọc được.

Khoản 214. — Việc mang những người mắc bệnh truyền nhiễm nơi nọ sang nơi kia, phải tuân theo thể lệ ở nghị định quan Toàn-quyền ngày mồng một tháng tư tây năm 1913.

Khoản 215. — Những người bị bệnh truyền nhiễm thì mang bằng xe hay là cang dùng riêng về việc ấy, mỗi lần mang những người ấy đi xong rồi thì lại phải tẩy uế.

Khi nào không có xe dùng riêng về việc ấy, mà phải dùng xe công hay là xe tư, thì hệ mang người đau đi xong rồi, lập tức phải tẩy uế cái xe ấy đi. Những người chủ có xe và những người đánh xe hay kéo xe khi tẩy uế xong rồi, phải xin quan một cái giấy làm chứng, nếu không tẩy uế thì những người ấy phải can cứ.

Khoản 216. — Người nào mắc phải bệnh truyền nhiễm đã có nói ở nghị định ngày 16 tháng 3 tây năm 1912, thì cấm không được vào trong các hàng xe, tàu thủy và xe lửa để cho chung mọi người.

Khoản 217. — Khi khỏi bệnh rồi thì hệ có giấy phép quan thầy thuốc coi bệnh mình hay giấy quan thầy thuốc coi về bệnh truyền nhiễm cho phép ra mới được ra.

Cái giấy cho phép ấy sẽ biên rằng đã giữ gìn sạch sẽ tẩy uế cả rồi.

Khoản 218. — Những chất khạc nhổ ra và phân, vẩn vẩn... của người bị bệnh truyền nhiễm đã nói ở các khoản ở nghị định ngày 16 tháng 3 tây năm 1912, thì cấm không được đổ ra đường nhà nước hay là đường của nhà tư, đồ ra sân, ra vườn, và ao hay là ở những đồng phân bón.

Những chất uế độc ấy phải hứng vào những cái chậu hay lọ gì dùng riêng về việc ấy, rồi tẩy uế và chỉ được đổ vào chuồng tiêu thôi.

Khoản 219. — Những đồ vải, quần áo, những đồ giường ghế chần nệm vẩn vẩn, đã dùng cho người đau hay dùng ở những phòng người ấy ở, nếu chưa tẩy uế thì cấm không được đồ ra, đập rũ, hay là treo vắt ở cửa và ở cửa sổ.

Những đồ vải, quần áo và đồ giường ghế chần nệm vẩn vẩn, đã để ở trong phòng người có bệnh truyền nhiễm mà nếu chưa tẩy uế thì cấm không được mang ra ngoài.

Khoản 220. — Những đồ vải và quần áo người có bệnh truyền nhiễm đã dùng hay đã làm như bản, mà nếu chưa tẩy uế, thì cấm không được đưa thợ giặt giặt.

Nếu đã mang giặt rồi, thì các quan coi việc vệ sinh bắt tẩy uế nhà thợ giặt ấy.

Khoản 221. — Những sở công hay là sở tư chữa tạm hay là chữa lậu

những người không có chỗ nương náu, những người ốm, người tàn tật, những trẻ con vô thừa nhận, vân vân, đều phải giữ cho sạch sẽ luôn luôn, lại do phòng vệ sinh kiểm soát.

Phòng vệ sinh xét nên tẩy uế thế nào, thì cũng có thể bắt tuân theo như thế được, hoặc tẩy buồng ờ, hoặc tẩy quần áo và đồ dùng của những người chứa nuôi ở đấy, phòng vệ sinh sẽ trông nom và kiểm soát khi tẩy uế.

Người cai quản những nhà chứa nuôi người, nếu không tuân lệnh, thì sẽ phải can cứn.

Khoản 222. — Các nhà đều có chuồng xi bằng gỗ hay là bằng gạch, chuồng xi phải có ánh sáng và không khí chiếu thẳng vào, lúc nào cũng phải giữ cho sạch sẽ, dưới đất phải đổ xi-măng hay là lát gạch, cứ từ một người cho đến năm người, thì phải một cái thùng xia riêng, trẻ con chưa đến mười tuổi không kê.

Khoản 223. — Những thùng xia phải khử uế luôn luôn, hoặc lấy lửa đốt, hoặc dùng những thuốc sát trùng.

Khoản 224. — Mang phân hay những thức gì khác có mùi lừg ra, mà hại đến vệ-sinh thì không được mang ngoài giờ đã định, mà phải mang bằng xe đóng rõ kín, cũng như hạng xe bắt người thâu đồ rác với phân phải dùng.

Khoản 225. — Cấm hẳn không được dùng thùng hay là thùng mà mang gánh phân hay là những thức gì hôi thối.

Khoản 226. — Những đồ gì dễ đựng các thứ ấy thì phải làm bằng thứ kim khí gì dễ tẩy uế và phải đậy kín,

Những đồ ấy phải tẩy uế luôn cũng như những thùng tiêu.

Khoản 227. — Cấm không được vất súc vật chết xuống hồ ao, sông, và những trâu bò, lừa ngựa uống nước, hay là chôn những súc vật chết ở gần nhà ở, giếng, và những nơi trâu bò lừa ngựa uống nước.

Tiền thưởng lính tuần kiểm canh gác

Khoản 228. — Khi nào nhà hội nhà hát gì phải cần canh gác riêng mà người chủ có xin canh gác thì cũng cho, nhưng phải nộp tiền đề tụng cho những người lính tuần kiểm đã giữ vào việc canh gác thêm ấy.

Những người tư hay là hội nào cũng vậy, nếu mở hội mà có xin cho người canh gác, thì cũng chiếu theo thể lệ ấy.

Khoản 229. — Những người tư, nhân có công việc gì có ích lợi riêng cho mình mà xin được phép tòa Đốc-ly cho người canh gác, thì cũng phải nộp tiền ấy.

Khoản 230. — Khi nào lính tuần kiểm cần phải đi canh cho hội nào hay là người nào ra ngoài địa phận thành phố thì hội ấy, hay là người ấy phải chịu tiền lộ phí.

Khoản 231. — Canh dù lâu chóng thế nào cũng (ích là cả lượt).

Khoản 232. — Tiền công canh gác phải nộp trước, cho quan Chánh Giám thành, ngài cho một cái biên lai.

Khoản 233. — Tiền ấy sẽ bỏ vào làm của chung, do quan Chánh Giám thành chưa tính, rồi cứ đến cuối sáu tháng

sẽ chia cho những linh tuân kiểm soát vào việc canh gác biên có mặt ngày ấy.

Đất bỏ không

Khoản 234. — Những chủ đất bỏ không hay là đất thấp, phải giữ những đất ấy cho rõ sạch sẽ và phải trông nom cho người ta đừng vứt rác rưởi gì vào những đất ấy và những đất nào mà người ta đã trình là nơi thối bần, thì chủ phải giữ cách phòng hèn theo như lời phòng vệ sinh bảo và quan thành-phố truyền.

Lại khi có những người làm việc thành-phố truyền bảo, thì phải rào đất lại và cắt cỏ phát bụi rậm đi.

Đốt pháo — Pháo cây bông Súng đi săn

Khoản 235. — Nếu không có phép quan Chánh Đốc lý cho trước, thì cấm không được đốt pháo, mở rạp hát, cùng mở hội hè cùng cấp gì ở trong phố, ở các chỗ chơi mát với ở ngã ba.

Khoản 236. — Xin giấy phép đốt pháo thì quan Chánh Đốc lý cho, nhưng phải nộp tiền cho quan thu thuế thành phố; cứ đốt pháo hơn 2 ngày thì phải nộp 3 hào, trong 2 ngày thì 15 xu.

Khoản 237. — Chỉ được phép đốt pháo và đánh trống từ 8 giờ sáng đến 10 giờ sáng và 2 giờ chiều đến 4 giờ chiều thôi.

Không khi nào được đốt pháo ở đường nhà nước.

Khoản 238. — Cấm bắn súng và săn bắn ở trong thành phố.

Quặng đá bằng dây chông và thoi xuy đồng cũng cấm.

Hót phân

Khoản 239. — Người nào muốn làm nghề hót phân, thì phải tuân các khoản sau này :

1^o Đưa nộp giấy khai ở tòa Đốc lý :

2^o Chứng quả rằng mình có đủ đồ làm theo phép mẫu và kích thước y như thành phố. Trong tám hôm kể từ hôm khai giấy sẽ định cho hay không.

Khoản 240. — Đồ là thùng xia làm bằng kẽm số mười bốn là cùng, hay là bằng sắt mỏng mạ kẽm, có nắp đậy thực kín, thế nào cũng không được dùng chậu gỗ, chậu sành hay là sọt.

Những xe dùng để chở phân không những phải theo lệ có một cái biển biên lên và chỗ ở người chủ, lại còn phải đóng ở đằng trước đằng sau cho rõ ràng, một cái số thứ tự quan sẽ bảo cho. Mỗi người thâu khoán, khi nào đồ dùng mà quan đã ưng thì phải đề ký một cái thùng xia ở sổ Lục lộ để lưu chiều.

Khoản 241. — Ngoài những giờ dùng, xe và thùng không được để ngoài những chỗ mà nhà nước thành phố đã ưng cho để.

Khoản 242. — Đồ đạc của những người thâu khoán dùng mỗi năm phải khám ít là hai lần để xem có tốt không, và tòa Đốc lý xét nên khám thêm vì việc vệ sinh thì cũng phải khám.

Nếu khám thấy người thâu khoán không theo phép tắc nói ở trên này thì sẽ không cho phép làm nữa.

Khoản 243. — Phân các nhà tư phải năng dọn theo như nghị định thành phố vì sự mạnh khỏe chung, mà làm theo ý tòa vệ sinh nay hãy tạm định cứ 48 giờ dọn một lần là i.

Khoản 244. — Giọng phân và xi, dùng để chở phân phải đi nội trong khoảng từ nửa đêm đến 5 giờ sáng thì thôi. Thùng xia phải để ngay vào xe; xe chưa đến thì không được đem thùng xia đi sẵn.

Khoản 245. — Cấm trát thùng nọ sang thùng kia, nhắc mỗi một cái thùng đựng xia ra thì phải lấy ngay một cái thùng sạch quét với để vào thay.

Khoản 246. — Phân phải đem ngay đến chỗ quan đã định, không được đem chỗ khác.

Cấm hẳn không được đổ thùng xia hoặc ở ngoài đường, hoặc ở những chỗ đất không, hoặc xuống hồ ao ở trong thành phố, nói chung là không được đổ chỗ nào khác chỗ đổ phân mà quan đã định.

Khoản 247. — Rửa thùng và tẩy uế bằng nước với thì phải làm ở chỗ đổ phân, không được làm chỗ khác.

Khoản 248. — Nếu nhờ phân đổ ra ngoài, thì người thầu khoán phải bảo dọn ngay đi và lấy nước sát trùng rửa chỗ đất ấy cho sạch.

Khoản 249. — Những thẻ lệ tuân phòng về sự thắp đèn cho sáng những đồ đèn ở ngoài đường ban đêm, và những lệ cấm làm rằm lên ban đêm và tất cả những sự om sòm như thế, đều đem bắt những người trung xia tuân cứ.

Khoản 250. — Cấm hẳn không được vùi phân trong đất nhà mình.

Những người tư muốn lấy phân của mình đều phải theo phép thức ước những người thầu khoán.

Khoản 251. — Những chủ nhà phải làm nhà xia ở những chỗ nào để người làm công của những người trung xia vào dọn cho dễ. Nhưng mà cấm hẳn không được làm ở mực đường và không được mở cửa chỗ để xia ra mặt đường.

Còn những nhà mới làm cửa chỗ để thùng xia phải đóng một kiên, chia khóa đưa cho cu-li làm công với những người thầu khoán, giữ lấy để mở đóng tùy tiện.

Những chủ nhà muốn xin cái kiên đóng cửa ấy thì những người thầu khoán xia sẽ đưa cho, những người ấy cũng có thể nhận làm cái cửa ấy.

Khoản 252. — Trái phạm điều lệ từ khoản 239 đến khoản 251 (kể cả khoản 251) thì sẽ khám xét như thường và giao tòa-án có quyền xử những việc ấy. Nếu còn trái lệ nữa thì thành phố vì sự ích lợi chung, sẽ thu lấy cái giấy đã cho phép.

Khoản 253. — Chuồng xia phải làm cho thoáng hơi và giữ cho sạch luôn, nền đất phải trát si-mo hay là lát gạch đá.

Khoản 254. Chủ nhà hay là người ở thuê phải rửa và tẩy uế chuồng xia. Sáng nào cũng phải rửa trước khi bảy giờ.

Chủ nhà hay là người ở thuê từng gian nhà mà những cống và nhà tiếp theo chung quanh có tường bao ngăn hay là nhà xia ở trong những nhà tiếp theo thì phải để cho các viên tiểu hội đồng vệ sinh, các viên đại biểu quan chánh giám thành các viên coi việc vệ sinh, vào trong nhà mình để xét cho chắc hẳn có giữ theo phép vệ sinh không.

Các thứ xe

Khoản 255. — Phạm người nào ở trong địa giới thành phố Hanoi có xe mà không có thẻ thuế như đã nói ở nghị định thành phố ngày 20 tháng ba tây năm 1914 thì không được cho chạy.

Nếu trái điều lệ nói ở khoản trên này thì các viên kiểm soát thành-phố đã có thể đề coi riêng về việc này, và những người tuân kèm sẽ xét biên. Những việc kiểm soát này thì hoặc kiểm soát ở ngoài đường, hoặc ở các nhà, các sở nào, ai ai cũng vào được, hay hoặc ở những nơi nào khác mà những người làm việc nhà-nước đã nói ở trên này đều có phép vào được.

Những việc làm trái phép khi đã biên rồi thì đem ra tòa tập tụng phân xử.

Khoản 256. — Người nào muốn làm nghề cho thuê xe tay thì phải như thế này :

1^o Làm một tờ khai ở tòa Đốc lý, nói cả tên họ, chỗ ở và những xe ở chỗ nào ;

2^o Có thuế môn bài theo như nghị định quan Toàn quyền ngày mồng ba tháng tám tây năm 1912 ;

3^o Tháng nào cũng vậy, hệ định tháng sau cho những cái xe nào chạy, thì trước hôm 25 phải xin tòa Đốc lý cấp cho mỗi cái xe một cái giấy phép chạy. Nhưng khi nào có trình giấy biên lai, biên nhận số tiền thuế xe đã nộp trước mỗi xe là 5 đồng một tháng, mà tính về tháng mình xin cho xe chạy, nộp như thế rồi thì tòa mới cho giấy phép.

Khoản 257. — Nếu người chủ xe đương khi cho thuê xe mà chết đi, hay hoặc vỡ nợ, hoặc rút bớt ít nhiều số xe đi, hoặc triệt nghề thôi làm thì những tiền thuế đã nộp rồi cũng vẫn là tiền của kho thành-phố.

Khoản 258. — Mỗi một cái xe phải mang kèm một cái giấy phép cho xe chạy; hệ những người nhà-nước có hỏi đến thì phải trình ra.

Nếu đánh mất cái giấy phép ấy, thì phải làm đơn khai ở tòa Đốc lý ngay, đề tòa cho bản khác.

Khoản 259. — Xe tay hạng nhất cho thuê, được phép chạy trong thành phố Hanoi hạn số là bốn trăm, xe hạng nhì hạn số là một nghìn một trăm.

Khoản 260. — Những xe hạng nhất phải làm cho thực tốt, hộp xe làm bằng gỗ sơn, hai cái tay xe phải đóng đốc để cho người kéo không có thể nâng cao quá, hay là cắm thấp quá được, bánh xe làm bằng thép mà những tay hoa thì phải làm cho cứng cáp, bánh xe phải có hạt bi xoay ở trong, và vành bánh ở ngoài phải làm bằng cao su ; đệm chỉ làm cho vừa đủ dùng thôi, để vào cất ra được, mà làm toàn bằng dạ mỏng, hay là bằng vải sơn nhồi miếng chám không thối mùi được và ngoài chum khăn vải trắng mui thì phải làm bằng một bộ gọng bằng sắt, cái tay co bằng đồng mạ kền và căng bằng vải mui xe hơi bốn bánh hay là bằng vải sơn giầy bằng hai lần.

Khoản 261. — Những cu li kéo xe tay phải có một kiểu quần áo hay là một dấu hiệu riêng. Quần áo mặc phải cho sạch sẽ luôn luôn.

Khoản 262. — Những xe tay hạng nhì thì chạy phải cho êm để cho cu-li kéo xe có thể nghe biết có xe khác chạy đến gần xe mình.

Khoản 263. — Dù hạng nào cũng vậy, đều phải giữ cho rõ sạch sẽ và chắc chắn luôn luôn.

Khoản 264. — Xe nào cũng phải có một cái áo tơi, nước không thấm vào được và một cái đèn để thế nào cho cả đằng trước lẫn đằng sau có thể trông thấy được.

Cứ từ rằm tháng chín tây cho đến rằm tháng tư tây, thì các xe phải tắt đèn từ 6 giờ tối cho đến 6 giờ sáng, còn như những tháng khác thì tắt từ 7 giờ tối cho đến 5 giờ sáng.

Cái mui xe kéo ra kéo vào phải dùng bằng một cái tay co; muốn dùng lối tay co có bản lề làm bằng hai đoạn, hay là nhiều đoạn chấp lại cũng được.

Khoản 265. — Trước khi cho chạy thì xe nào cũng phải có sổ giám thành và một người am hiểu coi chuyên về việc xe xem xét quả có thực chắc chắn và sạch sẽ thì mới được, và ở đằng sau lưng xe phải có một miếng đồng hay là miếng kẽm đề chữ số cái và số thứ tự xe, bề cao chữ ít ra cũng phải năm phân tây.

Số thứ tự ấy phải y như số biên ở cái giấy phép cho xe chạy.

Khoản 266. — Cứ mỗi một tháng, xe phải khám xét một lần thật kỹ. Khám xét ngày nào, giờ nào, nơi nào thì quan giám thành sẽ định; một người ở sở Lục lộ coi chuyên về việc xe ra khám xét xem cái xe nào trước khi lại cho chạy phải cần chữa như thế nào thì người ấy bảo cho.

Khoản 267. — Trong khi chưa xe thì giấy phép cho xe chạy, sổ giám thành hãy thu tạm lại mà để ở tòa Đốc lý, những tiền đã thu trước tòa cũng không giá lại cả hay là giá một phần.

Khoản 268. — Xe nào đã bắt chừa lại thì trước khi lại cho chạy phải mang trình sổ giám thành.

Khoản 269. — Các xe tay nào chạy ở trong thành phố mà người kéo xe không có giấy phép trình ra được hay là không theo như những thể thức nói ở các khoản trên này, thì cấm ngay không cho chạy nữa và phải bắt bỏ vào nhà giam đồ vật, tiền phí tổn chủ xe phải chịu, còn phạt nữa không kể, nếu có gây hỏng gì cũng mặc.

Khoản 270. — Người nào kéo xe tay thì ít ra cũng phải được 16 tuổi và phải mặc quần áo cho sạch sẽ và dễ coi.

Người kéo xe phải đeo một cái giấy phép của quan chánh Giám thành cho kéo xe, giấy ấy cho không lấy tiền. Nhưng khi nào đã khám xét biết rằng người ấy có đủ sức làm nghề kéo xe cốt là trông tỏ nghe nhanh và không có bệnh tật gì lộ ra người, và tằm bản, thì quan chánh Giám thành mới cho. Khi nào người cu-li xe hay là người chủ cho thuê xe không chịu rằng xét thế là phải, thì quan thầy thuốc thành phố sẽ xét người cu-li ấy.

Người cu li nào cũng phải nộp một cái hình ảnh, đăng trước mặt bề cao độ 4, 5 phân tây, bề ngang độ 3, 4 phân tây mà hình người phải chụp vừa vắn để cho có thể dễ nhận được.

Cái ảnh ấy sẽ dán vào cái giấy phép và đóng dấu sở giám thành vào cái ảnh ấy mà giao cho người cu-li chấp chiếu. Lại trong cái giấy phép ấy sẽ biết số thứ tự theo như số ghi ở sổ biên riêng về việc này, cước chú cả ngày phát giấy và tất cả niên canh quán chỉ đề có thể kiểm soát căn cước người kéo xe cho tiện.

Khoản 271. — Cái xe nào mà người kéo không có giấy phép như đã nói ở khoản trên này, thì sẽ phải mang bỏ ngay vào nhà giam đồ vật, tiền phí tồn thì chủ xe phải chịu, mà có gậy hồng gì cũng mặc.

Khoản 272. — Những cu-li xe ai gọi cũng phải kéo. Không được kéo hai cái xe hay là nhiều cái cùng đi ngang hàng với nhau và tìm khách cũng không được làm bộn phố ra. Bao giờ cũng phải đi bên tay phải đường. Những xe tay trong khi chưa có người đi thì lính tuần kiểm sẽ trở chỗ cho mà đỗ.

Khoản 273. — Những xe tay hạng nhất và hạng nhì chỉ để kéo riêng người mà thôi, hoặc người có mang kèm đồ đạc gì cầm xách được hay không mang gì cũng mặc. Những xe ấy cầm không được chở những hàng hóa gì sót.

Khoản 274. — Những người cu-li xe thấy ai bỏ quên tiền của đồ vật gì trong xe mình thì phải mang nộp lập tức cho quan Giám thành, nếu không thì phải phạt theo như luật lệ.

Khoản 275. — Người chủ xe phải giữ một quyển sổ, trong biên như thế này :

1o Những số xe tay ;

2o Ngày phát giấy phép cho xe chạy. Quyển sổ này cứ mỗi tháng sở tuần kiểm phê chữ một lần.

Khoản 276. — Nếu không mặc cả thì tiền thuê xe tay nhất định như sau này:

Xe tay bánh sắt

Một lượt.	0 \$ 05.
Một lượt quá nửa giờ.	0 10
Một giờ.	0 15
Một ngày ở nơi thành phố.	1 00
Một ngày ở ngoài thành phố.	1 50

Xe tay bánh cao xu

(Trong thành phố Hanoi)

Một lượt không kéo giở lại và không đỗ	0 \$ 10
Một lượt hơn nửa giờ.	0 20
Vừa đi vừa về và đỗ lại một khắc.	0 15
Giờ thứ nhất.	0 25
Mỗi nửa giờ sau.	0 10

-(Ngoài thành phố Hanoi)

Từ Hanoi đến sở nuôi trâu, bò, lừa, ngựa (ở Cống-vọng).	0 25
Từ Hanoi đến Ấp quan Kinh-lược.	0 25
Từ Hanoi đến Balny (Đền đức thánh Đình-lang)	0 30
Từ Hanoi đến Trường thi ngựa	0 25
Từ Hanoi đến bia ông Henri Rivière.	0 30
Từ Hanoi đến đền Các-Bà (đền Sét)	0 35
Từ Hanoi vào đến Hà-dông.	0 60
Ngoài Hanoi, một giờ.	0 30
Mỗi nửa giờ sau	0 15

Những cu-li cứ theo giá tiền đã định thế mà lấy, không được đòi nhiều hơn. Lúc nào cũng phải có một bản biên giá xe để khi người khách đi xe cần xem, thì vẫn có sẵn mà đưa ra.

Khoản 277. — Những cu-li có làm tổn hại gì đến ai hay là bị tòa án kết án thế nào thì những người chủ xe dùng những người cu-li ấy, cũng phải cứ theo như luật hộ.

Khoản 278. — Những người cho thuê xe một bánh có tay, ra bao nhiêu xe thì phải khai ở tòa Đốc-ly và dùng bao nhiêu xe cho chạy thì phải lấy bấy nhiêu thẻ.

Sở tuần kiểm có hỏi, thì người chủ cho thuê xe phải trình những cái thẻ ấy ra

Khoản 279. — Những xe một bánh có tay, chạy ở trong thành phố thì đều phải có một miếng kẽm có chữ số cái xe và số thứ tự dùng như số biên ở thẻ cho xe chạy.

Mỗi tháng dù có trễ lắm cũng đến ngày rằm là cùng, nếu thẻ xe không có chữ biên đã nộp rồi, chứng quả đã nộp thuế trong tháng ấy rồi thì cái thẻ ấy tòa sẽ thu lại và cái xe chạy lậu cũng phải bỏ vào nhà giam đồ vật, còn phải nộp tiền phạt, không kể. Tiền phạt có khi gấp hai gấp ba tiền thuế, tùy khi người cho thuê xe không làm giấy khai hay là làm tờ khai man.

Xe ngựa

Khoản 280. — Nếu người nào chưa đủ 18 tuổi mà sức không thể kim giữ và khiến nổi một con ngựa, thì không được làm bồi xe ngựa. Những người bồi xe ngựa bao giờ cũng phải mang giấy căn cước của mình.

Khoản 281. — Cấm những người cầm cương xe ngựa tư hay là những bồi xe ngựa ấy không được ganh nhau chạy nhanh và cho ngựa chạy nước đại, dù có cần cấp thế nào cũng không được.

Ở những phố Hanoi thì xe ngựa phải chạy nước kiệu, còn như ở những phố nào hẹp mà chỉ độ hai cái xe ngựa đi ngang nhau được, cùng những ngã ba, chỗ rẽ ở các phố, nói tóm lại là tất cả những nơi nào ở đường cái, có cái gì ngăn trở đến sự đi lại hay là có tiêu hiệu bảo xe phải đi chậm lại, thì những chỗ ấy xe ngựa phải đi bước một.

Khoản 282. — Những súc vật để kéo xe, chở đồ hay là để người cưỡi, cũng cấm không được cho chạy nước đại hay là cho thi nhau chạy nhanh ở đường nhà nước.

Song le, những ngựa cưỡi cũng có thể chạy nước đại ở những đường gọi là đường quần ngựa.

Nước chạy một cách thái quá hay là nguy hiểm thì đều cấm hẳn.

Khoản 283. — Những người cầm khiến xe bao giờ cũng phải cho xe chạy về bên tay phải, dù ở giữa đường không có vường vùu cũng mặc, chỉ trừ khi ở bên tay phải có sự gì ngăn trở thì mới được tránh về bên tay trái, hề đi khỏi chỗ ngăn trở rồi, thì lại phải đi về bên tay phải. Song le khi xe đi về bên tay trái thì phải đi nhanh gấp hai.

Khoản 284. — Cấm hẳn những bồi xe ngựa và những người cầm khiến xe không được làm cất quăng đám ma và toán quân lính trẩy hay là làm trở ngại khi những bọn ấy đương đi.

Khoản 285. — Những người cầm khiển xe hay là những máy móc gì chỗ nơi này sang nơi khác được, thì phải nghe lời chỉ bảo của những linh tuần kiểm trông nom đường xá, giữ cho người ta đi lại ung dung và không có điều gì hiểm trở.

Những linh tuần kiểm hễ ra hiệu một cái thì phải đứng dừng ngay lại.

Khoản 286. — Những người dắt súc vật, kéo xe, vật chở đồ hay là trâu bò vân vân... và những người cầm khiển các thứ xe hễ hoặc nghe thấy hiệu rung chuông là phải rẽ ngay sang một bên để xe điện chạy cho khỏi vướng víu.

Khoản 287. — Cấm những người cầm cương xe ngựa tự nhiên vô cố không được động đến roi ngựa và đánh kêu rầm lên.

Khoản 288. — Ngựa không đóng xe thì một người không được dắt hơn hai con một lúc.

Ngựa ấy bao giờ cũng phải dắt tay và cho đi bước một.

Khoản 289. — Tự nhiên vô cố không được cho xe hay vật kéo xe đứng dừng lại ở đường cái.

Những chỗ nào là chỗ cho xe ngựa đỗ đứng lại, thì quan Chánh giám thành sẽ tùy từng lúc mà định.

Không khi nào được đỗ xe ở những chỗ hai phố gặp nhau.

Nhất là trong phố Paul Bert và trong các phố vào tự vỉa hè bên nọ sang vỉa hè bên kia không được đủ chín thước tây thì cấm, không được đỗ xe ngang với một cái xe khác đã đỗ trước cùng về một bên đường. Cấm không được đỗ xe ở trước chỗ

đi vào những lối công : những người cầm khiển hay là những người bồi ngựa xe song mã, thì lúc xe hầy còn ở đường cái hoặc đường chạy, hoặc đỗ rồi cũng vậy, không được bỏ chỗ ngồi mà xuống.

Những người ấy phải cầm cương ngựa luôn luôn.

Những xe độc mã khi đã đỗ rồi, thì lúc nào cũng phải có người giữ. Người giữ xe ấy ít là cũng phải 18 tuổi.

Những xe cho thuê mà chưa có ai thuê, thì không được đỗ ngoài chỗ linh tuần kiểm đã chỉ định.

Khoản 290. — Những xe ngựa và các xe khác thì bắt đầu từ rằm tháng chín tây cho đến rằm tháng tư tây phải thắp đèn từ sáu giờ tối cho đến sáu giờ sáng, còn những tháng khác thì từ bảy giờ tối cho đến năm giờ sáng. Nếu không thể thì không được chạy.

Xe nào cũng phải có một cái đèn thắp đủ sáng. Đèn ấy phải chiếu ánh sáng ra đằng trước xe và để giữa xe hay bên tả xe.

Những xe cho thuê phải có hai cái đèn để ở bên tả và bên hữu chỗ người bồi xe ngồi.

Khoản 291. — Xe ngựa nào mà bánh có vành cao-xuộc ngoài, thì khi chạy phải có một cái chuông hay là nhiều cái chuông đủ kêu để cho mọi người nghe biết xe đi gần mình.

Khoản 292. — Những người đi xe đạp phải theo những điều lệ ở khoản 282, 283, 284, 285, 286 và 290 trong nghị định này.

Khoản 293. — Khi nào vì xe ngựa mà có xảy nên tai nạn gì ở ngoài

đường, thì sẽ điếu ngay người bồi ấy đến quan Giám thành để ngài tra hỏi và làm tờ biên.

Khoản 294. — Những người bồi xe có phạm phải việc gì, thì những người chủ xe dùng những người ấy phải cứu theo như luật hộ.

Xe hơi bốn bánh (Cầm máy và xe chạy)

Khoản 295. — Người nào không có giấy làm chứng nhận thực rằng mình có tài khiển được xe hơi bốn bánh, của quan Thủ-hiến cai trị hạt mình theo như nhời sở Lục-lộ đã ưng cho, thì không được cầm máy xe ấy.

Cái giấy nhận thực ấy có biên những xe người có giấy được phép cầm máy hạng xe nào.

Khoản 296. — Người cầm máy xe hơi bốn bánh, hề có người nhà nước hỏi, thì phải trình những giấy này ra: 1. giấy nhận thực rằng mình có tài khiển được xe máy; 2. giấy biên lai tờ khai xe.

Khoản 297. — Xe hơi bốn bánh không khi nào được chạy quá 15 nghìn thước tây trong một giờ; khi nào đi qua những chỗ hai đường, gặp nhau chỗ đường xe điện tránh nhau, và chỗ đầu đường đông người đi lại, thì chỉ được chạy 6 nghìn thước tây trong một giờ thôi.

Khoản 298. — Những người cầm máy xe hơi bốn bánh đến chỗ hai phố gặp nhau thì phải vặn máy chạy từ từ lại để chột muốn hãm đứng hẳn ngay lại cũng được. Trước khi xe chạy gần đến chỗ hai đường gặp nhau ít ra cũng là cách 50 thước tây thì

những người cầm máy xe phải bóp kèn để cho người ta biết rằng xe mình sắp đến chỗ ấy.

Khoản 299. — Khi nào cần phải làm hiệu để cho người ta biết rằng xe đến gần, thì phải dùng một cái đồ làm hiệu cho người ta biết trước: như là kèn, klaxon, kèn xe hơi bốn bánh. Song le, ở những chỗ đông người thì cấm không được dùng còi.

Khoản 300. — Ban đêm, xe hơi bốn bánh ít ra đằng trước cũng phải có hai ngọn đèn, mà mỗi bên xe ít cũng là một ngọn.

Dùng những ngọn đèn rất sáng gọi là đèn vọng đằng thì ở trong thành phố Hanoi cũng tạm cho.

Khoản 301. — Người cầm máy xe lúc chưa giữ gìn cẩn thận để phòng tai nạn cùng giữ cho xe tự nhiên đừng chạy và máy đừng làm rầm lên, thì không được bỏ xe mà xuống.

Khoản 302. — Những xe hơi bốn bánh và các xe máy khác để hơi phì ra ngoài hay là hoặc vì nhiều dầu quá, hoặc vì cơ gì khác mà để khói tuôn ra, thì cấm không được cho chạy trong thành phố.

Xe điện

Khoản 303. — Người nào không phải phần việc coi đến đường sắt thì cấm như sau này:

1. Không được làm suy suyễn, hủy hoại hay là di-dịch đường sắt và những cái gì thuộc về đường sắt, dù lấy nhẽ gì cũng không được;

2. Không được cho xe tay hay là xe gì khác đỗ ở chỗ đường sắt;

3. Không được để những ngựa trâu, bò hay là súc vật gì đứng ở đường sắt;

4. Không được vất hay là để những vật liệu gì hay đồ đạc gì ở đường sắt;

5. Không phải là xe của sở Xe-điện thì không được mượn đường sắt mà đi.

Khi nào có xe điện hay là xe gì của sở Xe-điện gần đến, thì cu-li xe tay phải lập tức tránh xa đường sắt để cho những xe ấy đi cho vừa lối.

Người nào cầm cương xe ngựa thì tay phải cầm lấy giây-cương để khiến được ngựa và phải lập tức tránh khỏi đường sắt để xe và đồ của sở Xe-điện đi cho vừa lối. Người dắt súc vật hề thấy xe-điện hay là xe gì của sở Xe-điện gần đến, thì phải dắt súc vật của mình xa khỏi đường sắt. Ở những đường nào mà có đường xe-điện đặt đưa, thì những xe tay, những xe của người ta, ngựa kéo, hay là người kéo, đều phải theo bên tay phải đường sắt mà đi, xe đi đằng nào thì bên tay phải xe ấy là bên tay phải đường sắt. Những xe ấy hề thấy xe-điện hay là xe gì khác của sở Xe-điện đi gần đến, cùng xe nào khác gần đến mà sắp rẽ ngang hay là sắp đi tiến lên, thì phải tránh hẳn ra. Nhưng mà khi nào đã trông thấy xe-điện đến hay là hoặc đã nghe thấy tiếng còi, tiếng chuông làm hiệu, thì những người cầm khiến xe phải cho xe đi theo hàng dọc và đừng có đi vọt lên trên xe đi trước xe mình.

Ở đường nào mà đường xe-điện đặt về một bên, thì những xe tay hay là các xe của người tư, một đằng đi lên, một đằng đi xuống, hề trông thấy xe-điện, hay là nghe thấy hiệu xe-điện

đến, thì phải đi chậm chậm lại và nếu có cần phải dừng lại hẳn, thì cũng đừng, để cho khi xe-điện đi qua, khỏi chạm nhau và vướng nhau. Những người đi chân, khi thấy xe-điện hay là xe gì của sở Xe-điện đến gần, thì phải tránh ra ngoài đường sắt, mà nếu ở mặt đường còn có nhiều xe khác đi, thì phải đi lên hè.

Những người đi xe đạp cũng phải tránh về bên tay phải, đi theo hàng dọc, đi chậm lại, và nếu cần dừng lại hẳn, thì cũng phải dừng như là những người cầm khiến xe khác.

Khoản 304. — Cấm những người đi xe-điện: Một là khi xe đang chạy, không được lên xe xuống xe, ngoài chỗ cửa để riêng cho người ta lên xuống; Hai là không được bước xe nọ sang xe kia, nghiêng người ra ngoài xe, làm bận hay là làm hư hại xe; Ba là không được nhổ hay là hút thuốc ở trong xe, hay đứng ở lối giữa xe; Bốn là không được làm bận nhón gì để làm dối những người hành khách khác. Trong mỗi xe biên bao nhiêu chỗ ngồi thì chỉ được cho bấy nhiêu người lên thôi, cấm không được cho cho lên nhiều hơn. Những người say rượu, hay là người trông bản thủ nhom nhếch, những người đeo súng nạp đạn sẵn hay là đeo những cái bọc gói gì chường hay là tanh hôi làm cho những người ngồi xe bận bịu, khó chịu đều cấm, không được cho lên. Người nào đeo súng trước khi lên xe phải trình súng ra cho người ta biết rằng súng mình không nạp đạn. Không được cho chó lên xe.

Khoản 305. — Mỗi sở ngồi chờ xe-điện, có một quyền sở có quan chánh

Đốc-ly Hanoi ký tên đánh số, đề biên những nhời người đi xe-điện, hay là người khác kiện chủ xe-điện hay là kiện những người làm việc sở ấy.

Khoản 306. — Những điều lệ nói ở trên này sẽ yết ra ở các hàng xe-điện đi qua và yết mãi mãi ở trong những nhà thuộc về việc xe-điện cùng trong các xe ấy. Tiền phí tổn yết thị ấy, thì Công ty xe-điện phải chịu.

Khoản 307. — Vì phạm những điều lệ nói ở trên này, thì sẽ làm giấy biên ghi lấy và truy phạt như luật (Chiếu theo nghị-định quan Thống-sứ ngày 28 tháng một tây năm 1901).

Khoản 308. — Xe-điện chạy nhanh đến 20 nghìn thước tây trong một giờ là cùng, song le trong khoảng từ chỗ cây dừa (Place Négrier) cho đến chỗ vòng tròn chùa Quan-thánh thì sức xe-điện chỉ được chạy nhanh 7 nghìn thước tây trong một giờ thôi. Đường chạy xuống Thái hà ấp từ chỗ cây dừa cho đến Sinh-từ (Vấn-miếu ở Giám) và đường chạy xuống Bạch-mai từ chỗ cây dừa cho đến đường Hàng Cỏ, thì xe-điện chỉ được chạy 12 nghìn thước tây trong một giờ thôi.

Khoản 309. — Chủ xe-điện phải trừ liệu thế nào để cho ở những đường có đặt đường sắt chạy dọc hay chạy ngang, người ta đi lại được ung dung như thường, không có hiểm trở gì.

Khoản 310. — Một chiếc xe-điện hay là một chuyến xe-điện cũng thế, ở ngoài phải có đèn đằng trước mặt xe một ngọn đèn đỏ, đằng sau xe một ngọn đèn xanh. Những đèn phải có đĩa phản chiếu ánh sáng lờ ra và phải thấp từ lúc mặt giờ lặn đến lúc mặt giờ mọc.

Khoản 311. — Ở chỗ hai phố gặp nhau thì người cầm máy xe-điện phải hãm chậm chậm xe lại để chợt khi muốn hãm đứng hẳn lại thì cũng hãm được ngay; trước khi đến chỗ hai phố gặp nhau, xe cách ít cũng là 50 thước tây, thì người cầm máy phải vặn chuông để báo cho người ta biết rằng xe sắp đến.

Khoản 312. — Khi xe đang chạy, người cầm máy phải có ý từ xem xét đường sắt và xem những xe thường hay là những đàn súc vật có đến gần không. Nếu có sự gì hiểm trở thì phải đi chậm lại và cũng có khi phải dừng hẳn xe lại.

Khoản 313. — Những sự vi phạm điều lệ nói ở các khoản trên này, sẽ do những lính tuần kiểm hay là những người đi kiểm soát và trông nom đa nơi ở khoản 32 quyền chương-trình thầu khoán lập bằng biên và tòa sẽ phạt theo như những điều lệ ở luật mình.

Đường cái — Đường via bờ sông (Lục-lộ)

Khoản 314. — Đường cái chỗ nào cũng vậy, cấm không được đổ đá, đất cát, sỏi hay là các vật liệu gì khác.

Khi nào ở trong nhà có làm công việc gì mà cần phải tạm để những vật liệu ra ngoài đường cái, thì phải có giấy phép của quan chánh Đốc lý cho trước đã mới được để. Giấy phép ấy cho không, không lấy tiền và ngài bắt phải trừ liệu thế nào để cho khỏi ngăn trở đến sự người ta đi lại. Những vật liệu gì để ở ngoài đường hơn hai ngày thì phải nộp thuế đã định ở nghị-định

quan Toàn-quyền ngày mồng hai tháng ba tây năm 1904. Những vật liệu đã để ở ngoài đường được hai hôm đem dùng rồi lại chứa thêm nữa đều cho là vật liệu để mãi, và cũng phải nộp thuế như thế.

Khoản 315. — Những đồ giường ghế bàn tủ ván ván, những hòm thùng và các đồ khác nếu không cần phải để ngoài đường cái và nếu không có phép quan cho, thì cấm không được để xe tay, xe có ngựa kéo hay không mà không cần phải để ở đường thì cũng cấm không được để. Xe có ngựa kéo mà đỗ, thì phải có một người cầm khiến xe giữ mới được.

Các thứ xe mà thân xe để nằm lên trục xe hay là dẽ lên gíp, như là xe bốn bánh và hai bánh để chở đồ, xe tay ván ván, thì ban đêm phải cất vào một chỗ để xe xa khỏi đường nhà nước.

Khoản 316. — Những vật liệu, những xe, những giường ghế, tủ bàn ván ván, những đồ hàng hay các đồ gì khác, mà ban đêm, hoặc được phép để ở ngoài đường hoặc không có thể cất đi hay là đem vào trong nhà được, thì phải thắp đèn cho sáng những chỗ ấy. Người nào có những đồ đặc vật liệu ấy hay là giữ những thứ ấy hộ cho ai, đều phải thắp đèn mà tiền phí tổn thì mình phải chịu lấy.

Khoản 317. — Ở đường via bờ sông, chỉ được để những đồ hàng hay là những vật liệu để làm cửa nhà thôi.

Những đồ hàng là tất cả những thứ hàng nào mới để chôn nhận hay là những thứ hàng khác đóng hòm, đóng bao, đóng thùng hay là bọc dầy theo cách nào khác mà cách buôn bán người ta vẫn thường dùng.

Những vật, liệu để làm nhà là những đá, gạch, cát, gỗ làm nhà, những đồ để dựng mái nhà, sắt ván ván...

Coi là đường via bờ sông thì không những là chỉ kê bờ sông và hè đường bờ sông về bên phía sông mà thôi, phải kê cả hè bên kia là phía có nhà nữa.

Khoản 318. — Những đồ hàng và các vật liệu để trong hai ngày thì không phải nộp thuế gì cả.

Khoản 319. — Quá hạn ấy, thì sẽ thu thuế, định ở nghị định quan Toàn-quyền ngày mồng hai tháng hai tây năm 1904.

Người nào để đồ hay là người nào mà đồ người ta để là để cho mình, đều phải chịu thuế.

Khoản 320. — Cũng có thể cho các người có tàu tùy những chỗ đất để làm nơi chứa than mà cho để dùng mãi được.

Những chỗ ấy sở Lục-lộ sẽ chỉ định cho, mà mỗi người chủ tàu hay là công ty chở tàu được bao nhiêu tàu thì số đất chiếu theo như thế mà cho.

Những chỗ để than ấy mỗi một ngày phải nộp nửa su thuế một thước vuông tây.

Khoản 321. — Những bè gỗ và bè tre nữa đỗ hay là neo ở phía trên cầu thì ít ra cũng phải cách cầu 20 thước tây, hay là ở phía dưới cầu thì chỉ được đỗ hay neo ở trước chợ hàng gỗ thôi.

Những phà bè chỉ được neo ở dưới cầu đất thôi.

Khoản 322. — Cấm không được đẩy hay là kéo ở trên đường cái để mang chỗ này sang chỗ khác những thùng, hòm, khúc cây, những phiến gỗ to, phiến sắt, đá hay là đồ gì khác có thể làm hư hại đường hay là ngăn trở đến sự đi lại.

Khoản 323. — Xe chở đất, cát, đá, than đá, vôi vón, phải có thành cao vừa để những đồ ấy khỏi rơi ra đường.

Những đồ rơi thì những người kéo xe ấy phải nhặt ngay.

Khoản 324. — Xe nào dùng để chở đồ đạc hay là hàng hóa thì ở đằng trước bánh và bên phía tả xe phải có một miếng sắt biên họ, tên, nghề, và chỗ ở thật của người chủ, biên bằng chữ rõ ràng, và dễ đọc, cao ít là năm phân tây, trừ ra những xe tay mà đã bắt phải có thể kiểm soát rồi.

Khoản 325. — Không có phép quan Đốc lý cho thì cấm đào đất hay là hầm ở ngoài đường.

Những hầm hố phải rào chung quanh lại và đêm phải thắp đèn, tiền phí tổn người chủ trưng phải chịu, đèn thắp cho đủ để khỏi sinh sự tai họa.

Người chủ trưng phải có đủ người canh xưởng, để đêm ngày coi sóc cho nghiêm và người đi lại cho vững vàng.

Khoản 326. Cấm lấy cỏ ở via đường hay là ở các chỗ đất công khác.

Khoản 327. — Hoặc nhân chừa nhà cửa đất cát, hoặc tại có gì khác mà làm hư via đường, thì người làm việc thành phố sẽ bắt chừa lại, tiền

phí tổn, theo luật ai đáng chịu thì phải chịu.

Khoản 328. — Cấm đi xe đạp, xe tay, xe bốn bánh và các thứ xe khác lên trên via đường, cấm cả cưỡi ngựa hay là dắt ngựa lên đấy.

Khoản 329. — Mái kềm phải làm thế nào đi cho khỏi vướng.

Cấm đổ nước mái nhà, gác sân, mái kềm, mái bình thiên, vôi vón, chầy xuống đường.

Những nước ấy hứng vào máng không đổ ra ngoài rồi cho chảy xuống ống nhằm đóng dọc vào tường, rồi chày vào cống làm ở dưới via đường để tháo ra rãnh ngoài đường.

Khoản 330. — Bàn cà phê, rổ hoa quả rau cỏ, giá bày hàng hóa để bán, vôi vón, thì phải có phép quan Đốc lý cho trước mới được bày. Phép cho được một năm. Thuế quan Toàn quyền định ngày mồng 2 tháng 2 tây năm 1904 phải chiếu theo sổ quan trưởng thuế làm mà nộp trước.

Khoản 331. — Những via đường rộng hơn bốn thước tây thì bày chĩa ra via đường nhiều lắm là được năm mươi phân tây, trừ ra những việc đặc cách do quyền quan Đốc lý xét nghĩ.

Những via đường nào chiều rộng kém ba thước tây, thì không cho bày gì ra via đường.

Khoản 332. — Bề rộng via đường thì sẽ đo tự trước nhà trở ra.

Khoản 333. — Cấm hẳn không được bày thịt, gà vịt, sản vật gì có thể làm bẩn hay là làm khó chịu cho những người đi lại.

Khoản 334. — Những điều lệ này chỉ về những phố dân Annam, lấy phố Fellonneau (hàng Sũ), Cầu-gỗ, hàng Gai, hàng Bông, Henri d'Orléans, và hàng Than làm giới hạn.

Đơn nào xin bày ở ngoài vùng ấy phải xin quan Đốc-ly có thuận mới được.

Khoản 335. — Nhà, cửa, đất, cát của công thành phố để dân trông nom.

Cấm làm hư nhà cửa, bia tháp công, và những tô tượng với lại các thứ nhà cửa xây dựng ở ngoài đường và trong vườn, và vườn hoa của thành-phố.

Những bia tháp nào mà nghị-định ngày 24 tháng 11 tây năm 1906 đã biên ký là kỷ niệm cổ tích, thì phải

theo phép đã lập ở nghị-định ngày mồng 9 tháng 3 tây năm 1900.

Những tường ở đền đài bia tháp và ở các nhà công đều không được dán giấy yết thị gì vào, trừ các chỗ để chừa cho dán.

Điều lệ chung

Khoản 336. — Những thuế thành-phố và luật phép cặn kẽ về các việc thành-phố đã có nghị riêng định.

Khoản 337. — Những điều lệ trước trái điều lệ này đều bãi cả.

Khoản 338. — Những sự vi phạm thể lệ này, sẽ phải phạt theo như luật nghị định và lệ thi hành ở Bắc-kỳ.

Hà nội, ngày 18 tháng 5 tây năm 1915.

Quan Chánh Hội-đồng thành phố,

PASQUIER

